Năm thứ hai. - Số 37
Thứ tư
4 Mars 1942

Tri tân

tạp-chí văn-hoá ra hằng tuần

知新雜誌

TRONG SỐ NÀY :

Những ông nghè triều Lê (XII) — Nguyễn-[illegible]-Tố
Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (XVII) — Ứng-[illegible]
Phê-bình « Từ Hà-nội đến La Courtine » — Hồi-[illegible]
Nhìn qua văn-học Việt-nam năm 1941 (IV) — Lê-Thanh
Vương An-Thạch hay Lê Quý-Đôn ? — Kiều Thanh-Quế
Ấn-độ — Nhật-Nham
Vay tiền trả chữ ! — Tiên-Đàm
Cụ nghè Tân với cụ Nguyễn-công-Trứ — Khá-[illegible]
Thoát cung vua Mạc (XII) — Chu-[illegible]
Bà Nghè sáu tiền — Thi-Nhan
Hát lượn — Nhật-[illegible]
Các vùng ngoại ô và thôn-quê cần có những « duyệt thư, báo xã » — Hoa-Bằng
Thơ của Võ Huy-Tấn — H. B.
Việt-nam văn-học sử (XXII) — Hoa-Bằng

REVUE
CULTURELLE HEBDOMADAIRE
195, RUE DU COTON, 195
HANOI

GIÁ BÁO :
Mỗi số 15 xu
1 năm 6$80
6 tháng 3.50
3 tháng 1 80

Trở lại vấn-đề lập thư-viện Việt-nam

CÁC VÙNG NGOẠI Ô VÀ THÔN-QUÊ CẦN

NHƯ đã viết trong Tri - Tân số 36 trước, bạn Khuông-Việt phác thảo cái chương trình lập một thư viện Việt-nam, nhu-khoản mỗi năm chỉ độ 2.060p.

Với số bạc nhỏ-mọn ấy, một vạn nhà hằng sản trong Trung, Nam, Bắc chỉ cần bỏ ra mỗi năm 63 xu, là có thể nuôi sống được ở mỗi nơi thị-trấn lớn (Hà-nội, Huế và Sài-gòn) một Quốc-học viện.

Nếu chương - trình đó được thực-hiện thì, chỉ trong một thời-gian rất ngắn, sách, báo quốc-văn sẽ có một tương-lai rực-rỡ và trình độ tinh-thần của dân - tộc Nam-việt sẽ lên cao nấc khả-quan.

Lợi-ích và cần - thiết của thư-viện, chẳng nói, tưởng ai cũng đã thừa biết. Vì theo «tương-đại luật» về xã-hội học thì, xứ nào đời nào cũng vậy, cái xấu cái tốt trong xã-hội thường vẫn thay nhau mà giảm xuống hay tăng lên. Một xứ, giáo dục có được phổ cập, thì dân-trí mới khai-thông. Hễ số những nơi bồ-dưỡng thần trí cho dân như nhà xem sách, xã đọc báo mỗi ngày một tăng lên thì những chỗ tiêu-khiển có hại như «hộp đêm», tửu quán sẽ giảm dần xuống. Vậy muốn đo trình-độ tinh-thần một dân-tộc, người ta có thể căn-cứ vào cái «lượng» bên tốt nhiều hơn hay bên xấu nhiều hơn.

Chính-phủ không phải không xét đến chỗ đó, nên từ lâu đã lập thư viện ở Hà-nội, Huế và Sài-gòn. Ngặt vì bấy lâu còn mải lo việc truyền-bá Pháp-văn cho dân ta, nên trong mấy thư-viện ở nhưng thủ-đô đó mới chỉ chú - trọng về phần sách, báo chữ tây, chứ chưa rảnh nghĩ đến việc khuếch-trương phạm - vi về mặt các sách, báo quốc-ngữ.

Vả, về phần dân ta, không phải ai ai cũng có thể « ăn » đồ linh-lương bằng những sản-phẩm chữ pháp được, vì số người không biết chữ pháp đến nay cũng còn rất nhiều. Huống chi ghế ngồi trong thư-viện, như thư-viện Trung-ương Hà - nội, hãy còn có hạn, nên sự cho «các» để vào đọc sách trong đó vẫn phải hạn chế Một khi đã bị hạn-chế, lẽ tất nhiên ảnh-hưởng của thư-viện chưa được phổ-cập.

Vì những lẽ đó, việc lập thêm Quốc-học viện, đối với trình độ, tình-hình và hoàn-cảnh của ta nay, thật là một việc cần có lắm.

Trong bài trước, bạn Khuông-Việt có ý muốn kêu - gọi tấm lòng từ-thiện và háo nghĩa của những nhà hằng sản hằng - tâm, và muốn trước hãy thực-hành việc lập «Quốc-học viện» ở các thủ-đô như Hà-nội, Huế và Saigon, thứ mới đến những việc như « thư-viện hàng tỉnh» và «xe sách luân-chuyển » v.v.

Nay tôi muốn đồng - thời cùng làm, ở thành - phố cũng như ở các tỉnh, mỗi nơi một « duyệt thư, báo xã », tức là chỗ để xem sách, đọc báo như trong chương-trình mà bạn Khuông-Việt đã bàn. Nếu chưa thể làm cả một lúc thì tôi muốn hãy có ở các tỉnh trước vì những cớ này :

1 Dân thành - phố phần đông đều biết chữ pháp, có thể lui tới thư-viện do chính-phủ đã lập mà «ăn» những món bồ-dưỡng thần-trí được. Vả, phần nhiều người đã có thói quen đọc sách báo, hằng ngày không mấy ai bỏ qua món « nghiện » tinh - thần ấy, nên dù chậm lập « Quốc-học viện », họ cũng chưa thấy thiếu sự nhu-cầu, hạch-sách của tinh-thần.

2 Còn dân quê, nhất là vùng ngoại ô hay ngoại chân-thành cũng thế, số người biết quốc-ngữ ngày một tăng nhiều, mà hằng ngày họ phải thiếu-thốn và thèm-thuồng những món « linh-lương », lẽ tất nhiên cần có những « duyệt thư, báo xã » để làm thỏa-mãn tinh-thần họ trước.

3 Dân quê Trung, Bắc-kỳ, về mặt kinh-tế, thường thường eo-hẹp, nên ít khi dám bỏ tiền ra mua sách, báo làm đồ giải trí. Những nhà giàu-có ở vùng quê phần nhiều hãy còn chưa có thói quen mua sách báo, nên những hạng con em họ đã đỗ bằng cơ-thủy hay bằng yếu-lược chẳng hạn rất « kham khổ » vì thiếu món ăn tinh-thần. Một khi các « duyệt thư báo xã » đã nhử họ được « biết mùi » rồi, thì dần dần về sau, thói quen gây thành,

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, phố hàng Bông Hanoi

◆

Đã có bán

Mẹo chữ Hán

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0$35 cước 0$06

Gửi bằng tem (cò) cũng được. Không gửi lối lĩnh hóa giao ngân

CÓ NHỮNG « DUYỆT THƯ, ÁO XÃ »

ham chuộng sách, báo, bấy giờ họ sẽ sốt sắng đến việc nuôi-dưỡng tinh-thần cho họ và cho con em họ.

◆

Muốn cho các tỉnh, từ vùng ngoại ô đến các thôn-quê, có những « duyệt thư, báo xã », tôi tưởng có thể làm theo những cách rất giản-tiện này : Mượn ngay các văn-miếu hàng tỉnh, các văn-chỉ hàng huyện hoặc hàng xã làm chỗ đọc sách, báo.

Mượn được những chỗ đó làm xã-sở rồi, ta sẽ không phải lo đến việc xây nhà hay thuê nhà làm thư-viện gì nữa.

Chắc có người sẽ « bàn ngang » : Văn-miếu và văn-chỉ là những nơi thờ-phụng Tiên-thánh và liệt vị tiên hiền hàng huyện, hàng xã, sao lại nên dùng làm chỗ đọc sách, báo ? Vì hằng năm còn có xuân thu nhị kỳ tri tế thì sao ?

Thưa : Tiên-thánh là ai ? Là đức Khổng-tử ! Các vị tiên-hiền là những ai ? Là các cụ khoa-mục hàng huyện hay hàng xã đã quá-cố. Nếu vậy, nay dùng những nơi ấy làm thư-viện thì rất hợp lẽ, vì đức Khổng-tử muốn cho tư-văn (cũng như nói cái đạo ấy...) không mất ; mà các cụ khoa-mục xưa ai lại chẳng theo cái tiêu-ngữ này : « Tử tôn tuy ngu, Thi, Thư bất khả bất độc » (con cháu dẫu ngu dốt cũng không nên không đọc Thi, Thư)? Thế thì nay ta sao lại không thể dùng những nơi ấy làm « duyệt thư, báo xã » để làm nên-trọn cái chí của người xưa ?

Đến khi thư-viện đã thành lập hễ gặp những ngày xuân-tế hay thu-tế thì thư viện sẽ « nghỉ lễ » một hai ngày ấy để nhường cho cho những tiếng chuông trống và làn khói hương, phỏng có hại gì mà ngại ?

◆

Nhưng còn phương-diện kinh-tế để nuôi sống những « duyệt thư, báo xã » ấy ?

Ngoài cách trông-mong vào sức lạc-trợ của các nhà hằng-sản và sự quyên sách, báo của các nhà hằng-tâm, như ban Khuông-Việt đã nói trong bài trước, ta lại có thể nhờ ở tấm lòng « thức thời đạt nghĩa » của các vị tấn-thân hàng tỉnh, hàng huyện hoặc hàng xã.

Ngoài Bắc này, thường thường tỉnh nào cũng có văn-miếu hàng tỉnh, văn-chỉ hàng huyện và văn-chỉ hàng xã.

Để cung hương-lửa cho những nơi ấy, từ xưa vẫn có tự-điền.

Cử lệ : Văn-chỉ hàng huyện Từ-liêm vùng tôi, tự-điền có đến hơn chục mẫu ruộng rất tốt. Đó là do những mon ền vong của các vị khoa-n n hà g huyện gom-góp từ xưa ến nay mà tâu được vậy. Hằng am số ruộng đó giao cho n ấy ô g cán-viên đưng nhận làm, lấy h a-lợi để cung hai kỳ xuân, thu tế Mỗ kỳ tế, độ vài ba con lợn, để trước cúng, sau làm cỗ va phần ; lai kèm thêm bôi bàn để t ế những vị huyên thân đến dự le Ch dùng có thể thôi.

Nếu nay các vị tấn-thân hàng huyen tan thà h việc lập « duyệt thư, báo xã » nay, thì nên giảm bớt xô thit, hằng năm trích ra độ 50 phần trăm (50 %) trong số hoa lợi của ruộng để nuôi sống một cai thư viên hang huyện, tưởng cung cha g khó gì.

Suy đó ra, lớn từ hàng tỉnh, nhỏ đến hàng xã, van miếu cũng như văn-chỉ, đâu đâu cũng chịu hi-sinh một chút như thế thì, tôi tưởng, chỉ một vài năm, suốt các tỉnh khắp ba kỳ, sẽ de thực-hiện được những « Quốc-học viện » để bồ tri, ích thần cho dân chúng.

HOA-BẰNG

Vient de paraitre

CENT REDACTIONS

AU CERTIFICAT D'ÉTUDES PRIMAIRES COMPLEMENTAIRES INDOCHINOISES

par

TRẦN-HUY-CƠ et **NGUYỄN-HUY-HOÀNG**

Instituteurs

Livre indispensable aux candid ts au Certificat d'études

Prix **0$65**. Port **0$09** *Éditions ĐÔNG TÂY, 195 rue du Coton Hanoi*

ÔNG VÕ HUY-TẤN

Số 3

HOA-BẰNG

Thơ

NHƯ trong bài thứ hai đã nói, Võ Huy-Tấn, tác-giả *Hoa trình tùy bộ tập*, 華程隨步集, trong khi đi sứ Tàu, hễ gặp phong cảnh ở dọc đường, như sông lớn, núi cao, vết kỳ, dấu đẹp, thường không bỏ qua cái hào hứng ngâm vịnh để ghi chút kỷ-niệm của móng chim hồng.

Khi qua bến đò Văn-sơn, Võ trông ra núi Văn-sơn, có bài viếng Văn Thừa-tướng rằng :

Thiên linh Tống trạch, di Thừa-tướng :
Đình đối tiên tư thiết thạch trường !
Điên-bái bán sinh tranh Tạo-hóa.
Thung-dung nhất tử nhậm cương-thường.
Tinh trầm cổ hạm, tâm trường hướng ..
Phong quyền tân bài, hận vị thường.
Tối thị Văn-sơn ngưng để xứ :
Hàn nhà sồ điểm điếu tà dương !

— Quá Văn-sơn tân thứ, vọng Văn-sơn điếu Văn Thừa tướng.

DẪN GIẢI

Văn Thừa-tướng là quan Thừa-tướng họ Văn, tức Văn-thiên-Tường, tên tự là Tống-thụy, tên hiệu là Văn-sơn, người Cát-thủy đời Tống, đậu tiến-sĩ triều vua Lý-tông (1225-1264), làm An-phủ-sư ở miền Giang-tây.

Hồi quân Nguyên vào đánh nhà Tống, ông đem quân đi kháng chiến. Sau vâng mạng vua Tống, sang sứ bên Nguyên, ông bị cầm giữ ; rồi lại trốn được vào Chân-châu. Khi đó, vua Tống Đoan-tông (1276-1278) lên ngôi ở Phúc-châu, cử ông làm ưu-tướng, phong Tín-quốc-công. Bấy giờ ông lại mộ quân liều đánh, cố mong khôi phục. Chẳng may sức mỏng, binh thua, ông lại bị bắt ! « Thác trong còn hơn sống đục », ôm cái tiết tháo ấy, không chịu khuất với quân Nguyên, ông có làm ra bài *Chính khí ca* để tỏ chí mình, rồi ung dung chịu chết.

Tác-phẩm của ông có bộ *Văn-sơn tập* : 17 quyển *thơ-văn*, một quyển *Chỉ-nam tiền-lục*, hai quyển *Chỉ-nam hậu-lục* và một quyển *Kỷ-niên-lục*.

Đình đối tiên tư thiết thạch trường — Hai chữ « đình đối » trong câu thơ này là chỉ về bài thi đình-đối của Văn-sơn ngày mồng 8, tháng 5, năm Bảo-hựu thứ tư (1256), mà chính khoa ấy Văn đỗ tiến-sĩ thứ nhất. Bài đối sách ấy sau in thành tập, dài những hơn 27 tờ, trong có những câu mạnh-mẽ như : « . . . Thần thủy dĩ *bất tức* nhị tự vi bệ-hạ miễn ; chung dĩ *công đạo, trực đạo* vi bệ-hạ hiến... Thần phú tính sơ ngu, bất thức húy kỵ ; ác bút chí thử, bất tư tri kỳ ngôn chi quá ư kích ! ..» Nghĩa là « tôi ban đầu đem hai chữ *không ngừng* để khuyên nhà vua, sau đem *đạo công bằng* và *đạo ngay thẳng* để hiến bệ-hạ... Tôi bẩm sinh là người có tính thô-sơ và ngu-đần, không biết kiêng-sợ, cầm bút viết đến đây, chẳng dè lời nói đã quá kích đến thế .. »

Vậy, câu thơ trên củ Võ ý nói : vì Văn Thiên-Tường có lòng kiên trinh như sắt đá, nên đã tỏ ở trong bài « đình-đối » từ trước rồi.

Phong quyền tân bài — Tương truyền rằng sau khi Văn Thiên-Tường tuẫn tiết, người Nguyên làm bài vị để tế, đề là *Đại Nguyên Thừa-tướng...* » Thình-lình nổi cơn gió cuồng, thổi cái bài-vị mới ấy cuốn đi đâu mất ! Người Nguyên sợ, bèn viết lại rằng : « *Cố Tống Thừa tướng...*». Vì vậy, tác-giả mới đặt câu : «*Phong quyền tân bài, hận vị thường* ».

DỊCH

Phúc Tống, trời cho sót lại ông :
Sắt son đã tỏ, đối sân rồng.
Nửa đời lận-đận tranh quyền Tạo ;
Một chết cương-thường nhẹ chiếc lông !
Thuyền cũ, sao chìm, lòng vẫn dõi.
Thẻ đề, gió cuốn, hận còn tung !
Văn-sơn, ồ nhỉ ! khi buông mắt :
Dưới ánh tà-dương, quạ lạnh-lùng !

Con bà ho

Nhất là HO GÀ
để chậm ngày nào, hại trẻ ngày ấy, nên mau mau cho cháu uống

Thuốc ho gia đình

Tổng phát hành

Nhà thuốc Tuệ-Tĩnh

53, rue Auvergue VINH

Đón coi :

Hát-giang trường lệ
Thơ của Minh-Tuyền

Để du-lãm những nơi thắng-cảnh ở đất Tàu, Võ được theo đoàn ngự đi thăm *Đằng-vương các* (1) ở trên cửa sông Tây-chương thuộc tỉnh Giang-tây.

Đối cảnh, nay cam-hứng, lai-láng lòng thơ. Võ có ứng chế, làm tám câu văn vần để kỷ-thuật cuộc tráng-du ấy và để tỏ cảm-tưởng mình đối với cái gác của Đằng-vương Nguyên-Anh đời Đường :

Hồ tòng van lý hữu tư du,
Diệc nhạ thần phong tòng khách chu !
Đế-tử lâu-đài, tinh kỷ hoán !
Vương-đồng văn-tự, nguyệt trường thu.
Đống vân, liêm vũ cung kim hứng.
Đam ảnh giang lưu cộng cổ sầu.
Phủ ngưỡng kiền khôn, tinh túc mộng :
Gác phi hồng trảo ngẫu-nhiên lưu...

扈從萬里有期遊
亦訝神風送客舟
帝子樓臺星幾換
王童文字月長秋
棟雲簾雨供今興
潭影江流共古愁
俯仰乾坤醒夙夢
覺非鴻爪偶然留

— Ứng chế để *Đằng-vương các*

Với bài thơ ấy, Võ có kèm thêm lời *dẫn* bằng chữ Hán, tôi xin dịch ra như đây :

« *Đằng-vương là phiên-vương đời Đường. Gác cất bên sông, thật là nơi du-quan một thời. Mà gác ấy riêng được nổi danh nghìn thu là một danh thắng ở Giang-tây, há chẳng phải vì một bài tựa của Vương Tử-An trong có câu « ráng rạng, cò bay ; nước thu, trời biếc » đủ làm cho nó được sống lâu mà lưu-truyền mãi ?*

« *Này*, bến nam non tây, thuyền chài trận nhạn, *phàm những đại-quan mà đứng trên gác ấy trông thấy đều được trong bài tựa mô-tả ra hết, thì sau đó, dẫu ai có làm bài khác nữa cũng không thể hơn được.*

« *Tôi hộ giá đi triều-cận, được đến chơi chỗ này là nơi mà xưa nay «thuyền sứ-giả» chưa bao giờ được ghé tới. Đó há chẳng phải vì có cái nhân cũ, duyên xưa về phong-cảnh và văn-chương ?*

« *Nhân vị Đốc-hiến có xin với Quốc-vương (tức giả-vương cùng đi với Võ Huy-Tấn bấy giờ) bảo tôi làm một bài thơ để khắc vào đá để kỷ-niệm cuộc đi chơi này, tôi mừng, bèn cầm bút viết xong ngay mà dâng lên* ».

DẪN GIẢI

Đế-tử, là con vua, chỉ về Đằng-vương Nguyên Anh đời Đường.

Lâu-đài chỉ về cái nhà gác của Đằng-vương cất ở Hồng-châu (nay là phủ Nam-xương bên Tàu) khi vương làm Đô-đốc ở đó.

Vương đồng chỉ về Vương-Bột, tên tự là Tử-An (xin coi lại *Tiểu-sử Vương Bột* ở Tri-Tân số 8, trang 8) Vì khi làm bài *Đằng-vương các tự*, Vương Bột hãy còn nhỏ tuổi, tự xưng là « đồng-tử », nên nay Võ mới hạ đến chữ « Vương đồng » như thế.

Vương đồng văn-tự tức là chỉ về bài tựa và bài thơ của Vương Bột làm trong dịp dự tiệc của Diêm Bá-Dư, Đô-đốc Hồng-châu, thết tân-khách giữa ngày mồng 9 tháng 9 ở *Đằng-vương các* sau khi Diêm đã đứng trùng-tu cái cao các ấy.

Hồng chảo, nghĩa đen là *móng của chim hồng* ; nghĩa bóng là dấu vết của việc đã qua, ví như chim hồng đã bay đi rồi, nhưng móng chân của nó còn in dấu trên mặt tuyết.

DỊCH

Muôn dặm theo vua đến chỗ này,
Nhẹ đưa thuyền khách : gió mầu thay !
Lâu-đài con chúa, vòng sao đổi.
Văn-tự chàng Vương, bóng nguyệt lay.
Mây nổi, mưa mành, chung hứng ấy...
Sông trôi, đầm ảnh, góp sầu đây.
Cui ngửa ngẫm xem bừng mộng cũ (2) :
Móng in há phải chuyện ưa-may (3) ?

Thu đã thổi gió heo-may. Khi ở Yên-đài (tức Hoàng-kim-đài, ở vào Kinh-triệu bên Tàu ngày nay), Võ có làm 30 bài *thất ngôn tứ tuyệt* để vịnh thu. Nay xin trưng-dẫn mấy bài và dịch nghĩa ra sau đây :

THU MỘNG
(Bài thứ 26)

Liêu liêu vĩnh dạ, lữ đình thu,
Hương mộng khinh tương vạn lý du.
Tốn lãi sổ thanh tàn hoán tỉnh :
Do-nhiên hải dốc nhất phù bình !

DỊCH

Quán khách đêm thu đằm tịch-liêu..
Hồn quê muôn dặm gửi chim-bao.
Gió thu mấy tiếng lay bừng tỉnh :
Góc bể bèo trôi vẫn giạt-dào !

THU LAN
(Bài thứ 17)

Quốc hương bất trục dạ sương ở êa,
Độc hướng song tiền sinh dã kiều
Mạc sử du phong thâu bội khứ,
Lưu tương tĩnh kỷ bạn sầm-liêu.

DỊCH

Mặc đêm sương lạnh, chẳng tàn theo,
Vẫn trổ bên song vẻ mỹ miều.
Chớ để cái ong bu trộm, lảng..
Bày trên án sách khỏi cô-liêu.

xem tiếp trang 9

HOA BẰNG

Tài-liệu để đính-chính những bài...

Số 17

Ứng hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

LXVIII

Chung-tình

Trong bóng đèn hoa luống thở dài
Lòng xuân chạnh những chốn dương-đài
Nhớ sao thảm-thiết chiều tha-thướt.
Đồng vọng bên tai tiếng nói cười.
Gác thầm xa nghe kinh rước gió,
Lầu cao buồn thấy nhạn bên giời.
Gửi xin xét thấu lòng muôn dặm,
Kẻo luống rằng thương, kẻo thẹn nhời.

∴

Thành thật bên mai mấy giọt dầm,
Ruột loạn khôn gỡ mối sầu tâm.
Tấn Tần muôn kiếp màu son nhạt,
Ngưu Nữ khôn phương nước tưởng đầm.
Tưởng khách tựa thu sầu tựa bể,
Nhớ ngày như tháng, khắc như năm.
Vì đâu cho nguyệt vô tình bấy ?
Nhạn vắng tin truyền cả vắng tăm.

∴

Người ở đôi quê phân đã vậy,
Kẻ về cảnh cũ ngại-ngùng thay (1)!
Nhớ lòng ấy tưởng càng thêm tưởng,
Nhủ dạ làm khuây lại chẳng khuây.
Nhất nhật tam thu rầu rĩ lắm,
Cam tâm thiên-lí não-nùng thay !
Bình-yên đôi chữ đưa về đến,
Xin xét tình cho nghĩa một ngày.

(Trích ở quyển *Quốc-âm thi-ca tạp-lục*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ số AA6 296) (2)

LXIX

Thi hỏng tự cười mình

(độc vận)

(*Bài phú của cụ Nguyễn-Khuyến*), *tam-nguyên Yên-đổ*) (3)

Khoa-mục đường xưa, văn-chương lối mới ; giời năm mây thiên-tử rõ-ràng, bóng bốn bể trạng-nguyên pháp-phới ; lều chiếu là thang võng lọng, tranh leo giật giải có ai nhường ? Tràng tiền là cửa cân-đai, cao gối mau chân không kẻ đợi.

Công-danh gặp hội, đường thanh-vân sẵn bước toan trèo, phú-quí nức lòng, cành đan-quế ra tay quyết với ; gang tấc chục vin rồng tựa phượng, mượn phấn vua mà giả nợ bút-nghiên xưa, đêm ngày mong mài sắt nên kim, nhờ đạo thánh để đền công đèn sách lại ; cửa hiền rộng mở, một nền Cức-viện, có quả có hoa, trận bút tranh đua, ba đợt Vũ-môn lẫn trê lẫn chuối.

Có một người mắt-mũi khôi-ngô, râu-mày nhẵn-nhụi ; biếng học sinh ngủ, sách vở mập-mờ, non tập già chơi, văn-chương xốc-nổ ; đến khoa thi nửa sợ nửa mừng, tính nhân-sự một may một rủi ; mừng mặt đủ buồng cau bánh thuốc, đồ vào trường kề rất mực phong-lưu, theo chân nhiều đầy-tớ học-trò, chốn tạm trú hãy tìm nơi rộng-rãi.

Chứng hay ngủ xưa nay rắp sẵn, lều một vác chiếu một ôm, đồ phụng thân mang xách nặng-nề, nước đầy bầu, giầu đầy túi ; thuốc Bách-tinh đóm diêm điếu ống, thông mồi này đặt mồi khác, văn được như thuốc, ắt bẩn hơi dài ; chả Ba-họ cơm nắm ruốc bông, ăn một miếng, nghĩ một câu : văn được như cơm, lo gì « ý nỗi » !

Văn làm thì đặc như bí, dai như đỉa ; chạy lều này sang lều nọ, vi nhất vi nhị ; sách thì quên, tối như hũ, mờ như đêm ; nghe câu được với câu chăng, viết chày viết cối ; đệ nhất trường làm bài tinh-nghĩa, lần theo tám vế rõ-ràng, hai trăm chữ điểm đủ tân-qui, tủng-tiệm hai tờ ngắn ngủi ; phi cũng chẳng ra Tàu ra Mán, theo anh em « tắc-kiến, phù-kỳ », sách gọi là có cổ có kim, đủ lề-lối « sĩ-văn, cần-đối ».

Đóng lều kín mít, nhất định ngồi dai ; xe sáp thẳng gang, cố tình viết tối ; những e-ấp chửa mang minh-ốc nồi, lại ra sự dắt tay trẻ xuống giếng, ngấp-nghé làm gà, toan kéo-cò giả nợ tổ-tôm thua,

Ô mai **Tiến Lợi** *ngon lành*
Và lơ **Tiến Lợi** *nổi danh ở đời*
Bốn trăm linh bầy
Bạch mai Hỏi thăm cho đến tận nơi mua dùng

khéo dơ tuồng đơm đó cả ngọn tre, kiếm ăn như nhãi ; lúc nộp quyển hòm văn đã khoa, van lại phòng tiếng nhỏ tiếng to, khi ra trường trống điểm quá canh, gọi đầy tớ ấm-a ấm-ới.

Buồng nhà trọ lúc thở dài vuốt bụng, những mừng thầm quyển ấy du được là may, ghế cô hang khi vắt-vẻo rung đùi, lại khoe mẽ văn kỳ nay nghe cũng lợi ; lúc hẹp dạ những bàn dày bàn mỏng, nhờ lượng quan trường rộng but cuối bảng chang từ, khi cả gan lại nghĩ quần nghĩ quanh. họa trong quyển có câu thần, thủ-khoa cũng phải.

Đến khi ghế chéo dán lọng xanh, bành voi giương ống gọi : số cử-nhân xướng dã du lần, dòng miên hiệu đọc vừa đến cuối ; thay đồ nọ nét mặt tế tồ-ngoại, áo quàng vai đi tất-tả tất-tơi, bắc tú kia dầu gối tranh trưởng-nam, non cắp nách chạy hất-hơ hất-hải.

Nào những lúc ra trường đoạn xênh-xang hàng phố, giày kéo lê, quần chấm gót, dịu-dàng thay tốt bộ cử-nhân ! Nào những khi xướng danh rồi : lui gót cửa trường, khăn bỏ giọt, áo vắt lưng, lơ-láo tưởng như hình chú lái ; nghĩ đến một tháng tròn phí-tổn, làm lại chưng con mễ con kim, nhơ chữ ba đời trước cung khai, thêm tủi với ông bà ông vải.

Nhơ-nhác lúc quặp râu về trọ, đầy-tớ lờ-đờ, mụ hàng ánh-ỏi, lắng tai nghe gà gáy để tìm lui, buồn tên khi vác mặt về nhà, trẻ con nhạt-nhẽo, mẹ nỏ thờ-ơ, vẫy đuôi thấy chó mừng càng thêm tủi ; trước cũng nghĩ đi cho khỏi cáo, tiền tài mua lấy cái trò chơi, ai ngờ ra về lại hoàn mèo, mẹo lần liệu đường mà nói giải.

May phút chốc thói kiêu cải ứa được hẳn, như dựa mới rất, như giầu mới hẻo, ngại-ngùng khu ỗ thẹn với đau râu, đang kiệp thay ! mùi hợm bớt từ đây, lấy nong mà đè, lấy rổ mà che, ngơ-ngáo chẳng còn ra mặt-mũi.

Thôi thì thôi, canh bạc bằng chân, chuyến buôn không lãi ; cùng thông cuộc thề biết hay sao ! Phong sắc lòng giời đừng vội hỏi ; hỏng khoa này chờ khoa khác, thép hù g văn đục lại mới nên g'à, qua một sự sinh một điều, đường thế-cố phải lâu rồi mới giỏi.

Số phận chớ bàn sớm muộn, có học có thi có hỏng, có đo ngang cho phỉ chí mới cam, quân ân, nào hạn trước sau, còn giời còn nước còn non, còn vinh-hiển với thế-gian được mãi ; dẫu kẻ gọi ngựa bảo trâu cũng mặc, cái hay cái dở không cùng : dầy ta lấy mai với hạnh mà suy, nở trước nở sau có hội.

Kẻ nho-nhã suy cho cùng lý, giời đã hậu người tai mắt ý chữ « sinh tài hữu dụng » hẳn không lo, mà trượng-phu thì phải tự-cường, giời không phụ kẻ sách đèn, nào câu « hữu chí cánh thành » xin chớ vội ; nay nhân ngồi đó cũng buồn, ruột càng thêm rối ; trách phận đã no trách số, nôm na mượn bút làm vui, cười mình đâu dám cười ai, chắp-chảnh vài nhời tự hối.

(Theo quyển *Quốc-văn tùng-ký*, của Hải-châu-tử biên-tập, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bac-cổ, số AB 383, quyển hạ, tờ 15 b. 18 a).

LXX

Ô-diên cố-thành

Núi sông Lý, Triệu tan-tành,
Diều bay mấy chốn một mi h thương ôi !
Chiến hòa cuộ phó nước trôi
Cỏ cây xanh biếc lôi-thôi đầy thành

(Trích ở quyển *Phong cảnh b - chí*, sách viết bằng chữ nôm c a Trường Bac-cổ số AB 377, tờ 10a).

LXXI

Thiên-phù biệt-phái

Nước trôi không hại trăm ghềnh,
Thiên-phù bờ cát rành-rành như không.
Nghìn thu lập miếu vợ chồng,
Trung hồn vì nước biết công nhường nào !

Trích ở *Phong-cảnh biệt-chí*, tờ 11 a) (4)

Còn nữa

Ứng hòe NG. VĂN-TỐ *biên tập*

---

1) Bản nôm của Trường Bác-cổ chép là « Kẻ về cảnh quốc ngại-ngùng hay » ; bản riêng của chúng tôi chép là « Kẻ về cảnh cũ ngại-ngùng thay », chưa chắc đúng, nhưng còn nghe được, chỉ trùng chữ « thay » với câu thứ sáu.

2) Những bài trích ở quyển *Quốc-âm thi-ca tạp lục* chưa ai in ra quốc-ngữ ; toàn là những bài làm vào hồi Lê-mạt. Dưới bài « Chung tình » thứ ba có đề chữ « Đệ nhị nương thư-ký » (vợ thứ hai gửi thư), trên đề « Dậu-niên trọng-xuân vọng-nhật » (ngày rằm tháng hai năm dậu).

3) Ông G. Cardier đã chép hai đoạn phú « thi hỏ g » trong quyển *Littérature annamite* (Hà-nội, Viễn-đông ấn-quán, 1914, trang 147-148) và quyển *Morceaux choisis d'auteurs annamites* (Hà-nội, Lê-văn-Tân, 1932, trang 161-262), đề là *Chế người thi hỏng*. Cụ Đông-châu chép cả bài trong quyển *Cổ-văn nguyên-âm* (Hà-nội, Đông-kinh ấn-quán, 1918, trang 68-71), đề là *Lạc đệ tự chào phú*. Hai ông đều không biết tên tác-g ả ; cụ Đông-châu lại chép những câu sau này khác hẳn với bản nôm của Bac-cổ : « Chứng hay ngủ xưa nay rập sẵn », cụ chép là « Chứng hay ngủ, sửa sang sắp sẵn » ; « Khi ra trường trống điểm quá canh », cụ chép là « Khi ra trường trời đã quá canh », v. v. Còn những chữ lặt-vặt thì nhiều lắm : thí-dụ « tranh lèo giật giải có ai nhường » cụ

xét n tiếp trang 16

Những ông Nghè triều Lê

Số 12

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

6. — Nguyễn-bá Ký người làng Văn nội (chép theo *Đăng khoa lục*, tờ 6 b, và *Việt-sử cương-mục*, q. 18, tờ 28 a, còn *Đăng khoa bị khảo*, Sơn-nam, tờ 46 b, và *Lịch-triều hiến-chương*, q. 11, tờ 4 a, thì viết là Huân-nội), huyện Chương-đức, phủ Ứng-thiên, đỗ hoàng giáp khoa mậu-thìn, năm Thái-hòa thứ sáu (1448) đời vua Nhân-tôn. Bắt đầu làm chức cTri-chế-cáo viện Hàn-lâm, rồi thăng Trực-học-sĩ. Mùa đông năm nhâm-thân (1452), làm phó-sứ sang nhà Minh mừng vua Tàu lập thái-tử. Khi đi sứ về, được thăng chức Trung-thư-sảnh tả-ti, đồng tri Hải-tây đạo quân-dân bạ tịch, vào chầu tòa Kinh-diên (là chỗ giảng sách để vua nghe), kiêm-quản chức Cận-thị-hậu các-cục thượng-kỵ đô-úy. Đến đời vua Thánh-Tôn (1460 1497) lên ngôi, vì ông là người văn-học, nên được gần vua. Đầu năm Quang-thuận (1460) vâng mệnh cùng ông Nguyễn-Trực soạn bia Dương-làng, lại vâng chỉ dụ xét định m ều-hủy ngự-danh. Thăng chức tế-tửu nhà Quốc-tử-giám, kiêm văn-minh-điện đại-học-sĩ, thượng-thư quận-công-tước, ra vào chốn cung-điện, được vua quí-trọng, ban cho hiệu « Vân-phong tiên-sinh ». Vua làm văn thường ra ngoài kinh-sử, ông dâng sớ can-ngăn, vua giáng chỉ khen lao. Mùa đông năm ất-dậu mất (1465). Vua sai quan tư-lễ đem sắc-dụ đến tế, trong có câu rằng : « Nhĩ sự thượng dã trung, tri thân dã chính, đán tịch tả hữu, vu tư lục niên, khí cơ tuyệt thời, trung tr nh vị dĩ », nghĩa là « Ngươi thờ vua rất trung, giữ mình rất chính ; lúc sớm lúc tối, bên tả bên hữu, đến nay sáu năm ; hơi thở gần tắt, lòng trung hãy còn ». Bộ *Toàn-Việt thi-lục* (sách viết bằng chữ Hán của Trường bác-cổ, số A 1262 quyển 10 tờ 18 a) của ông Lê-quí-Đôn còn sao lại một bài thơ cận-thể của ông Nguyễn-bá-Ký, đề là *Quá nhuận Hồ cựu-đô hoài-cổ* (Qua thành đô cũ nhà Hồ). Ông Nguyễn-bá-Ký là anh ông Nguyễn-bá-Kỳ (anh em làm quan cùng triều) và là ông ngoại Trần-Phi (sẽ nói sau ; chép theo *Lịch-triều hiến-chương*, q. 11, tờ 4, *Đang-khoa bị-khảo*, Sơn-nam, tờ 46 b).

7. — Nguyễn-di-Quyết, người làng Trung-Thanh-oai, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên. Làm quan đến tả-thị-lang (*Đăng-khoa bị-khảo*, Sơn-nam, tờ 32 a).

8 — Đặng-Tuyên, người làng Bình-lăng, huyện Thiên-thi, phủ Khoái-châu, đỗ hội-nguyên khoa mậu-thìn (1448), Thì đình đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ. Lúc mới làm Hàn-lâm-viện đãi-chiếu, sau thăng làm thừa-chỉ (*Đăng-khoa bị-khảo*, Sơn-nam, tờ 70 b).

9. — Bùi-Phúc, người làng Lam-điền, huyện Chương-đức, phủ Ứng-thiên. Lúc mới làm Quốc-tử viện, đồng-tu sử. Là em Bùi-Hựu : anh em cùng triều *Đăng-khoa bị-khảo* Sơn-nam, tờ 47 a).

10. — Nguyễn-văn-Chất, người làng Võ-thai, huyện Bạch-hạc, phủ Tam-đai. Hai mươi bảy tuổi đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ khoa mậu thìn (1448). Khoảng năm Quang-thuận bính-tuất (1466) làm tham-chính Nghệ-an ; không được bao lâu được cất lên làm đô-ngự-sử. Khoảng năm Hồng-đức canh-tí (1480) làm chanh-sứ sang cống nhà Minh. Sau làm đến Hộ-bộ thượng-thư, rồi về trí-sĩ. Có soạn quyển *Tục Việt-điện u-linh*. Sinh ra Nguyễn-văn-Tú : phụ tử đăng khoa (*Đăng-khoa bị-khảo*, Thu tập thượng, tờ 60 a).

11. — Phan-Hoan, người làng Lật-sài, huyện Ninh-sơn, phủ Quốc-oai (*Đăng-khoa bị-khảo*, Thu tập thượng, tờ 35 b, chép là huyện Yên-sơn). *Đang khoa lục* (tờ 7 a) chua một câu rằng ; « Người ở chỗ này (Lật-sài) nói : ông Phan-Hoan chưa hịp vinh qui về làng đã mất. Người chàu xa cũng nói : *Đăng khoa lục* chép ông làm quan đến đồng-tu sử-viện là chép nhầm ». *Đăng-khoa bị-khảo* (sách viết của Bác-cổ, số A 485, Thu tập thượng,

(Xem tiếp trang 18)

Văn hành công khí

VƯƠNG AN-THẠCH HAY LÊ QUÝ-ĐÔN ?

VƯƠNG AN-THẠCH, một nhà văn kiêm khoa chánh trị, làm tướng quốc đời Tống Thần-Tôn, được phong Kinh-quốc công, nên cũng co tên hiệu là Vương Kinh-công.

Người ta thuật rằng Vương ngày bé rất dốt, học đâu quên đó.

Một hôm, cha Vương đi vắng. Ở nhà, Vương lại không thuộc bài. Giận quá, ông thày học đánh thẳng tay. Bất đồ Vương ngã lăn ra chết. Thày sợ hãi, đem Vương ra chôn ở chuồng lợn ; rồi trốn đi.

Ai ngờ giữa đường, lại gặp cha Vương !

— Anh đi đâu mà có vẻ xản xái quá vậy ?

— Tôi định về quê ngay, vì có chuyện nhà...

— Việc gì thì cũng phải đợi tôi về đã chứ. Vả lại, tôi còn phải đưa tiền lộ-phí cho anh.

Người thày học, vốn bạn thân của cha Vương, liệu thoát thân không được, đành phải thú thật tất cả tội-lỗi mình.

— Tưởng việc gì !.. Chứ thằng ấy ngu-độn như thế chết cũng đáng...

Thế rồi thày học và cha Vương đề-huề trở về. Đến nhà, gia nhân bảo rằng chỗ chôn Vương ở chuồng lợn thấy động-đậy. Hai người sai đào lên xem. Ra Vương sống lại. Từ đó, học rất thông-minh.

Nhưng, thày học từ đó luôn luôn áy-náy, mặc dầu Vương đã hoàn sanh. Bao giờ thày ta cũng nghĩ đến lỗi mình, và thẹn thầm cùng bạn. Dạy Vương thêm không được bao lâu, thày ta tìm cớ thoái-thác, lui về quê.

Về sau, Vương thi đậu, làm quan, nhưng không biết rõ chỗ ở của thày học cũ. Mỗi lần đi tìm thày không được, hễ gặp bụi mây ở đâu, Vương liền sụp xuống lạy ta, nghĩ rằng lạy tạ công ơn cái roi mây mà ông thày ngày xưa đã dùng dạy-dỗ mình. Thế nên người đời sau có thơ rằng :

Kinh-công hạ mã bái kinh tùng,
Bái tạ kinh tùng giáo hối công.

Cuốn *Trạng hạt* (1) của Nguyễn Nam-Thông xuất-bản gần đây, biên tập về Lê Quí-Đôn, lại chép na-ná chuyện trên — nghĩa là câu chuyện Vương An-Thạch.

Có khác, chỉ khác ở đoạn ông thày học không đem chôn Lê Quí-Đôn ở chuồng lợn như trong chuyện Vương An-Thạch, mà đem ra chôn ngoài đồng.

Râu ông nọ, cằm cằm bà kia ! Đó là công việc của những ngọn bút không thận-trọng !

Ông Nguyễn Nam-Thông, tác-giả mấy bộ *Trung-quốc dụng tân*, *Trung hoa Dân-quốc*, đáng lẽ không nên cẩu-thả như thế.

Chúng tôi mong rằng một bực đại văn-hào như Lê Quí-Đôn, đã viết được trên ba mươi bộ sách giá-trị, phải được các ngòi bút cận-kim đặc-biệt để ý và sưu-tầm tài-liệu cho xác-đáng, trước khi muốn biên-tập về cụ Lê Quế-Đường.

Quyển *Trạng hạt* của Nguyễn Nam-Thông, biên-tập về cụ Lê, chỉ là một đống giấy vụn.

Vì ngoài sự đề-tài tư-liệu chẳng xác-đáng, nó còn không có phép-tắc chi cả.

Lối của nó là lối chép danh nhân truyện ký (biographie) mà tác-giả nó, ông Nguyễn Nam-Thông, lại áp dụng lối viết tiểu thuyết. Nhều đoạn tiểu-thuyết-hóa của ông để độc-giả thấy rõ sự muốn kéo dài lôi-thôi của ông, chớ tựu kỳ trung chẳng bổ-ích cho câu chuyện về Lê Quí-Đôn gì cả.

Quyển *Trạng hạt* của ông không đáng đem nói lên mặt giấy. Nhưng sự quá khinh thường độc-giả của ông bắt-buộc chúng tôi không được phép bỏ qua.

KIỀU THANH QUẾ

1) T. T. số 31 đã có bài nói đến cuốn sách này. Xin các bạn coi lại.

Ông Võ Huy-Tấn

Tiếp theo trang 5

THU CẦM

(Bài thứ 22)

Tiêu sắt tam thu, cầm nhất trương :
Sổ xoang thê uyển phủ tiêu lương.
Cao sơn, lưu thủy nan tương thức !
Điều bãi, không đình, nguyệt ảnh trường...

DỊCH

Đàn cầm một cây, ba thu quạnh !
Gẩy-giắt vài xoang, đêm lạnh lùng ..
« Nước chảy, non cao », ai kẻ biết !
Tiếng im, sân dài bóng giăng trong...

(Còn một kỳ nữa)

HOA BẰNG

1) Xin coi thêm bài *Đằng-vương các* trong Tri-Tân số 8, trang 7.

2. 3) Muốn giữ cho văn dịch được tự-nhiên mà đúng tinh thần của nguyên-văn, nên hai câu này tôi không chịu bó-buộc theo *niêm*.

Kỳ sau :

Bình-luận và vịnh Trưng-vương
DƯƠNG BÁ-TRẠC

Thân-thế và sự-nghiệp hai bà Trưng
khảo-cứu của *TIÊN-ĐÀM*

Dâng hương miếu Hát
du ký của *HOÀ-BẰNG*

Bài bia ở đền Đồng-nhân
SONG CỐ

Phê-bình

« TỪ HANOI ĐẾN LA COURTINE »
của ông Phạm-duy-Khiêm

Hội-Thống viết

Dans toute l'Inde, il n'y a personne d'aussi seul que moi !
(Kipling Kim)

THÁNG 9 năm 1939. Dưới trời Âu, binh lửa lại một phen nổi rạy ! Sau khi các cuộc điều-đình về ngoại-giao thất-bại, tiếng phi-cơ, đại-bác, đã lấn át cả những lời giảng dạy nghiêm chỉnh chốn học-đường. Bên Pháp, biết bao thanh-niên ra tòng quân, để giữ-gìn cho đất nước, coi cái chết nhẹ như lông hồng. Nhưng « *cỗ ngai chinh chiến kỷ nhân hồi* » ? Hàng nghìn tráng-sĩ anh dũng, trí tuệ có thừa, — tinh hoa của nòi giống — quyết trí ra đi, trên vì nước, dưới vì nhà, đến ngày về, hỏi còn được bao nhiêu ? Da ngựa bọc thây, đại đa số đã phơi mình trên chiến địa, vinh-dự chết vì Tổ-quốc.

Nam-Liên, một thanh-niên tri-thức Việt-nam, tình nguyện sang Pháp tòng quân, cũng đã chịu chung một số phận ấy. Rời Hanoi ra đi mùa thu năm 1939 để không bao giờ trở lại, vì sau ngày 12 Juin 1940, chàng đã « biệt-tích » trong một trận giao-tranh trên bờ sông Loire. — « *Phong tiêu tiêu hề Dịch-thủy hàn ! Tráng-sĩ nhất khứ hề bất phục hoàn !* »...

Tốt số hơn Nam-Liên, ông Phạm-duy-Khiêm, giáo sư thạc-sĩ, cũng tình nguyện sang Pháp tòng quân, đã trở về nước cuối năm 1941. Do đó chúng ta mới có cái may-mắn được đọc quyển « *De Hanoi à La Courtine* » mới xuất bản gần đây. Ông Phạm-duy-Khiêm đã có công sưu-tập và công bố những bức thư của Nam-Liên, lúc vượt bể, khi ở trong quân thứ, gửi cho các bạn hữu xa gần, « không đổi một dòng, không thêm một chữ », từ ngày khởi-hành cho đến trước khi « mất tích » miền sông Loire.

Thật là một tài-liệu vô-giá về tâm-lý. Những bức thư ngắn-ngắn, lời lẽ giản-dị nhưng thâm-trầm, một đôi khi lại chua chát, đã cho chúng ta thấy một tâm-hồn cao-thượng, thành-thực, không ham danh, chuộng lợi, biết coi thường những dư-luận châm-biếm.

Sách chia làm ba phần :

I) Những nỗi dọc đường (Từ Hanoi đến Carcassonne), không có gì đáng kể.

II) Mùa đông và mùa xuân ở Sète. Những bức thư ở đoạn này có lẽ lý-thú và bổ-ích hơn cả. Nam-Liên tả rõ những đoạn trường « đi lính » Gác bút nghiên theo việc kiếm cung nó cũng có khác thật ! Nhưng lâu dần chàng cũng quen ; tuy rét mướt giữa trời đông tháng giá vẫn phải tập tành, tuy nhọc mệt, mà Nam-Liên vẫn giữ được tinh-thần thư-thái, và lấy làm sung sướng. Một đôi khi cũng có nghĩ đến chút mẹ già, nhưng chỉ thoảng qua... Còn những đồng bào thì Nam-Liên quên đã từ lâu rồi ; có lẽ vì những tâm hồn thiền cận ấy đã không hiểu rõ ý-nghĩa sự hy-sinh của chàng chăng ?

III) Học lớp sĩ quan ở La Courtine — Sau một kỳ thi, Nam-Liên được lên học lớp sĩ quan ở La Courtine ; nhưng vừa được một tháng năm ngày (7 mai — 12 juin 1940) thì chàng mất tích sau khi dự một cuộc giao tranh trên bờ sông Loire.

Tại làm sao Nam-Liên lại tình nguyện sang Pháp tòng chinh ? Không phải là chàng đi để tìm cái chết đâu (vì một nỗi buồn u-ẩn gì chẳng hạn). Chàng đã có cái ý-định ấy từ lâu rồi ; nếu năm 1939 không có hội-nghị Munich, thì chàng đã lên đường sang Pháp từ ngày ấy. Sở-dĩ ra đi, là vì Nam-Liên

Mới xuất bản

MANUEL
de
CONVERSATION
en français et Annamite
của
MỄ DƯƠNG
Cựu giáo viên

Sách dạy nói chuyện tiếng Pháp cốt dùng cho người Nam học nói chuyện tiếng Pháp hay những người ngoại quốc biết tiếng Pháp học nói truyện tiếng Nam

Đủ các câu cần biết của hầu khắp các nhân vật trong các giới

Giá 0 20 cước thường 0p 06 gửi bằng tem (cò) cũng được cho hiện
ĐÔNG-TÂY
195 phố hàng Bông Hanoi

có tâm-hồn một bực quân-tử : thấy một cuộc chiến đấu lớn lao (grande aventure) thì lấy tư-cách là một người trên hoàn vũ, không phân-biệt màu da, muốn tham dự vào. Chỉ có thế thôi ; không có hy-vọng gì, không chờ đợi gì, và cũng không suy tính thiệt hơn gì Khi nhà hàng xóm phát hỏa, thì bổn-phận ta là phải giúp-đỡ ; người quân tử không khi nào lại hỏi rằng : « Tôi giúp ông thùng nước, nếu dẹp được cháy, thì ông sẽ cho tôi cái gì ? »

Nhưng nếu ta xét đến những nguyên-nhân tâm-lý sâu xa, thì ta sẽ thấy rằng : Nam-Liên chán cái đời an-nhàn, trưởng-giả, ngày lại ngày, không có chút gì mới lạ. Chán cả cái tỉnh thiền cận như một cái làng nhỏ ; chán cái vai trò « ông Liên » sống với các vai trò khác. Vậy là hoàn-cảnh đã có một phần không phải là nhỏ trong cái — ý-định của Nam Liên. — Lại nữa, Nam Liên chưa có tiểu gia-đình ; mồ côi cha, chỉ còn một chút mẹ già, nên lúc rứt áo ra đi, không lâm vào cái cảnh « nhi nữ tình trường, anh hùng khí đoản ». Nam - Liên lại là người đa sầu, đa cảm : cũng như tác-giả, chàng đã sang Pháp du học hồi mười hai năm về trước. Bao nhiêu kỷ-niệm xa xôi êm - đềm, tươi sáng, vụt sống lại trong trí óc chàng những ngày cùng bè bạn Pháp giong-ruổi xe đạp trên đường trường, thăm các thắng cảnh, những tối dưới bong đèn, cùng ai dở chung một tập ảnh, những vụ hè trong trẻo, dưới bàu trời xanh thẳm, bên cạnh những trẻ ríu rít như chim hót, trong những gia đình phap đã coi chàng như con đẻ, bấy nhiêu mối giây vô hình thiêng-liêng đó, đã khiến cho Nam Liên quyết chí sang Pháp lần nữa ; vì cùng nhau đã sống những ngày vui sáng thì cũng phải cùng nhau chịu những ngày nghiêm trọng ; chia ngọt sẻ bùi thế tất cũng nên chia cay sẻ đắng. Vả lại, « cái ơn tâm tình trong một phút » có lẽ « nặng hơn nợ cơm áo mấy nghìn năm » (Đàm quang Thiện). Cho nên bảo rằng :..« *Cùng nhau chua, ngọt đã từng, gừng cay, muối mặn, xin đừng phụ nhau* », cũng không phải là quá đáng vậy.

Dẫu sao, Nam Liên cũng đã làm một việc rất có ý nghĩa, và có ảnh hưởng sâu xa tốt đẹp trong đám thanh niên trí thức việt-nam nêu cao cái gương hi-sinh cho một lý trưởng thiêng-liêng. Nam-Liên tuy đã chết, nhưng cái tiếng thơm còn mãi với non sông : « *mệnh ấy yểu mà danh ấy thọ* ». Ông Phạm duy-Khiêm đã xuất-bản một quyển sách rất hợp thời đáng khen, đáng chiếm một địa-vị khả quan trong văn-chương Pháp.

HỘI-THÔNG

Chuyện thủ ngày xuân

CỤ TÂN VỚI CỤ TRỨ

CỤ Nguyễn Công-Trứ, một nhà chính-trị kiêm thi-bá, nhân mới sinh được một cậu con giai, lại gặp ngày xuân, có thết một tiệc rượu mừng vui. Ngoài các bạn đồng liêu, cụ có mời cả cụ Trần đình-Tân nữa.

Chén rượu đã ngà-ngà say, cụ Tân lén vào phòng văn cụ Trứ, cầm bút ngoạch trên tờ giấy hoa tiên mấy giòng chữ nôm này :

Mừng ông sanh được cậu con giai,
Thực giống con nhà chẳng giống ai.
Mong cho chóng nhớn mà đi cướp...

. . . . . .

Chỉ viết có 3 câu thế rồi cụ thôi, ngã luôn vào cái sập kê liền đó ngủ một giấc đến sáng...

Sáng hôm sau, cụ Trứ vào buồng giấy, thấy nét chữ, đoán biết là cụ Tân, lơm mình, liền hỏi đùa :

— Huynh ông muốn thằng con tôi đi ăn cướp ư ?

Cụ Tân cười đọc thêm :

Cướp lấy khôi nguyên kẻo nữa hoài.

Rồi cả hai cụ cùng cười, mà rồi be rượu này tiếp theo be rượu khác..

KHÁI-SINH

RƯỢU
Duboquina
Le Bateau
Cam Xã-Doài
Ngũ - gia - Bì
(*Alcools médicamenteaux*)

Chế bằng quinquina, jentiane và quả tươi.
Hiệu Ngọc-Hương *48 Sinh-từ Hanoi*
Tổng phát hành Bắc-kỳ.
Nhà chế tạo : **Đào-Viên** *117 Maréchal Foch Vinh.*

Có thể kết luận : Nguyễn Trí-Bảo là một người có tinh-thần hi-sinh, quên mình, (có khi đeo một cái áo đến hàng mười năm), biết phục thiện (khi chửa vỡ lẽ tử sinh, tức thì ông chịu hạ mình đi học thêm ngay) và khiêm-nhường. Cái óc thực hành đã giục ông làm được nhiều việc xã-hội có tính-cách từ-thiện. Cái tư-tưởng tri túc của ông có thể dắt loài người vào con đường hòa bình nếu người đời nghe theo.

Ông mất ngày 14, tháng 4, khoảng năm Thiên-tư gia-thụy (1186-1201) đời vua Lý Cao-Tông (1176-1210). Cái tháp Sơn-môn tức là nơi yên-nghỉ ngàn thu của nhà học-giả khổ-tu đó.

TIẾT HAI MƯƠI

PHẠM THƯỜNG-CHIẾU (?-1203)

Dưới trào vua Lý Cao-Tông (1176-1210), ông Thường-Chiếu, họ Phạm, người Phù-ninh (Phú-thọ) làm chức đô-tào.

Chán mùi công-danh, ông gửi mình cửa Phật.

Dưới mái chùa cổ ở Ông-mạc phường, ông vui-vẻ tuyên-dương tôn-chỉ nhà Thiền, kéo được môn-đồ ngày đến đông lắm.

Trong cách lập-giáo, ông chú-trọng về thuyết « liễu tâm », nghĩa là giữ lòng cho sạch, không bợn chút gì. Ông thường bảo đệ-tử : « Sạch lòng mà tu đạo thì đỡ tốn sức và dễ thành công ; bằng tu đạo mà không sạch lòng thì tốn công và vô-ích. »

Suốt đời đi trên con đường đạo học, ông có đặt cái đích làm nơi cứu-cánh : không thấy cái bản-ngã và cái chúng-sinh, tức là không có con mắt phân-biệt mình và người, đến được bậc « vô nhân tướng, vô ngã tướng, vô chúng-sinh tướng... »

Ông là người có trí phán-đoán : học, nhưng không nhắm mắt theo sách ! Khi ông sắp tịch, Thần-Nghi, đệ-tử ông, có hỏi ông về chuyện Đạt-Ma(1) tránh được cái chết, vì người ta mở quan-tài, chỉ thấy chiếc giày sót lại, còn chân-thân Đạt-Ma thì sang Tây-phương. Nhưng ông cho thế là chuyện một chó cắn bóng, đàn chó xủa theo.

Ông có làm được một sách nhan là « *Nam Tông Tự-Pháp Đồ* ». (2)

Ngày 24, tháng 9, năm Thiên-gia Bảo-hựu thứ 2 (cuối Octobre 1203), khi sắp mất, ông có làm bài này để từ-giã môn-đồ :

Đạo bản vô nhan sắc,
Tân tiến nhật nhật khoa.
Đại thiên sa giới (3) ngoại,
Hà xứ bất vi gia ?

Dịch

Đạo vốn không nhan-sắc,
Ngày phô mới, đẹp ra.
Ngoài biết bao thế-giới,
Đâu đâu chẳng phải nhà ?

(Tham khảo : *Thiền Uyển Tập Anh*, thiền biểu thứ 2, đời thứ 12 ; *Lịch Triều Hiến Chương* quyển 45 ; *BEFEO* trang 139, số 141, 142 ; v. v.).

TIẾT HAI MƯƠI MỐT

CHU HẢI-NGUNG (? — 1207)

Người làng Giang-mão, Hải-Ngung lọt lòng đã thấy cảnh hàn-vi : hoàn-toàn là một trẻ nghèo khó. Những thì-giờ lúc bé đề cả vào việc học nho.

Tính-nết thuần-cẩn, tin thực,

Số 22

THỬ VIẾT

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

hồi 26 tuổi, ông bắt đầu bước vào cửa Thiền.

Mến Lãng-sơn là cảnh hẻo-lánh, tịch mịch, ông vào đó học sư Bảo-Giác trong 7 năm trường.

Trong thời-kỳ đó, ông đã trở nên một người thông cả nho, thích.

Sau khi được thừa-hưởng pháp-cụ của Bảo-Giác, ông có đi đây đó để giáo-hóa mọi người. Rồi trụ-trì ở chùa Quốc-thanh núi Bi-linh thuộc Nghệ-an, pháp-hiệu là Tĩnh-Giới. Phạm-Tu, châu-mục ở đó, tỏ lòng kính-trọng ông lắm.

Dưới những giọt mưa đạo-pháp của ông, nhiều người môn-đồ được thấm nhuần mát-mẻ.

Ngày 7, tháng 7, năm Trị-bình long-ứng thứ 3 (1207), khi sắp bước sang thế-giới khác, ông có làm một bài thơ bốn câu bảy chữ bằng hán-văn, đại ý nói : *Lúc này luận-thuyết về đạo thì ít tri-âm lắm ! Chỉ vì như thế, nên đạo mới mất ở trong lòng người ta ! Mấy ai được như Chung-Kỳ là người thầm âm, thoạt nghe tiếng đàn của Ba-Nha đã biết ngay là chí người gảy đàn ở khoảng non cao hay ở nơi nước chảy.*

Chắc ông là một người có tài mẫn-tiệp như Tào Tử-Kiến (tên tự của Tào Thực), nhưng không muốn vướng chân vào vòng bó-buộc, nên giả làm mặt si-độn, ẩn ở cửa Thiền để giữ lấy cái thiên-chân cho tinh-thần được thỏa-thuê thư-sướng.

Đây, bài này của ông làm chứng cho lời tôi nói đó :

Thu lai, lương khí sảng hung-khâm,
Bát đẩu tài (4) cao đối nguyệt ngâm.
Kham tiếu thiền gia si-độn khách :
Vị tương hà ngữ dĩ truyền tâm ?

Dịch

Thu đến, hơi thanh quạt mát lòng,
Người tài ngâm váng dưới trăng trong !
Nực cười : cửa Phật, mình si-ngốc,
Lời nói truyền tâm biết có không ?

TIẾT HAI MƯƠI HAI

LÊ LỊCH

Lúc trẻ, ông lăn-lóc trường-ốc, đỗ lên một cái, được làm chức cung-hậu ở Lý triều. Năm 27 tuổi, sau một cơn giác-ngộ bởi nghe sư Giới-Không giảng kinh Kim-cương, ông xoay theo Phật-giáo.

Trụ ở núi Từ-sơn, ngày đọc kinh, đêm nhập định, ông khổ hạnh tinh tu trong sáu năm.

Nhờ tay ông, số người được dắt đến đường thiện không biết bao nhiêu mà kể.

Đứng vững trên địa-vị thanh cao, ông không chịu đáp theo tiếng gọi của hai trào Anh-tông và Cao-tông nhà Lý.

Thái-úy Tô Hiến-Thành và Thái-bảo Ngô Hòa-Nghĩa, đối với ông, đều giữ lễ đệ-tử, nhưng 10 năm vẫn chưa được gặp mặt ! Một hôm, gặp nhau, ông vui mừng quá, có làm bài này đưa bảo ông Tô và ông Ngô :

Ký hoài xuất tố dưỡng hung trung,
Văn thuyết vi ngôn, ý doãn tòng.
Tham dục truất trừ thiên lý ngoại,
Hi di (5) chi lý nhật bao dung.

Dịch

Muốn theo chay tịnh để nuôi lòng,
Mầu nhiệm nghe lời, hãy doãn tòng.
Nghìn dặm quang xa tham với muốn,
Huyền vi lẽ ấy ngày bao dung.

Liền đó ông lại làm một bài thơ *tứ ngôn cổ thể* đọc cho Tô, Ngô nghe, đại ý ông nói mình cốt giữ lấy vẻ đạm-bạc, chăm lo tu đức, phá bỏ cái mờ tối, không kỳ-thị mình và người, không mắc vào sắc tướng. Thế rồi ông đi... đi sang thế-giới khác.

TIẾT HAI MƯƠI BA

NGUYỄN Y-SƠN (? — 1213)

Phong tư đẹp, biện-thuyết giỏi, ông người làng Cẩm-hương thuộc Nghệ an. Lúc trẻ, ông đã lõm-bõm học qua cả thư, sử. Trong chỗ giao-du, ông biết chọn bạn và chơi tuyền với những người có ích. Đối với kinh điển nhà Phật, ông lại để ý hơn.

Hồi 30 tuổi, ông xuất gia, rồi lên kinh-đô, tham đạo nơi Viên-Thông thiền-sư. Trong khi nói chuyện, ông lĩnh-hội được yếu-chỉ của Phật-giáo. Sau ông đi mọi chỗ, tùy cách mà mở-mang, khuyên-bảo người ta. Chỉ cốt theo đuổi cái mục-đích : duy-tha.

còn nữa

HOA-BẰNG

Thống-chế PÉTAIN đã nói:

« Bản chức không muốn có những người theo quốc gia cách-mệnh mà vẫn nuôi trong lòng một sự ích kỷ tham lam hay câu-nệ biếng nhác. Ai muốn hợp tác với bản chức thì nên biết rằng ta chỉ làm một việc bổn phận mà phần thưởng là sự đắc ý của kẻ trượng phu đã góp gạch mang đá để dựng lại nước Pháp ».

1· Đạt-Ma là người Thiên-trúc. Lương-Vũ-Đế đón đến Kim-lăng để bàn-luận về Phật-lý. Sau đó Đạt-Ma sang Ngụy, trụ ở chùa Thiếu-lâm trên núi Tung-sơn. Ông là đệ nhất tổ trong Thiền-tông.

2· Trong *Lịch Triều Hiến-Chương* quyển 45 chép sách đó có tựa của Trạng-nguyên Lương-Thế-Vinh (đỗ năm Quang-thuận thứ tư, 1463. Coi Đăng-Khoa-Lục quyển 1, tờ 10 b). Lại nói Thường-Chiếu có làm được quyển *Thích Đạo Giáo Khoa* ; song T. U. T. A. không hề nói tới.

3· Theo Phật-học, thế-giới mà ta ở ngày nay là ba nghìn thế-giới : hợp một nghìn lại thì là nghìn thế-giới nhỏ, hợp một nghìn tiểu thiên thế giới thì là trung thiên thế-giới, lại hợp một nghìn trung thiên thế-giới thì là đại thiên thế-giới. Ý nói thế-giới là nơi vô lượng, vô biên, không thể lường nghĩ được. Đây nói « đại thiên thế giới » nhiều như hạt cát.

4) *Bát đẩu tài* là một thành-ngữ chỉ về tài làm thơ. Nguyên Tạ-Linh-Vận có nói rằng : « Tài trong thiên-hạ có một hộc, Tào Tử-Kiến riêng chiếm 8 đấu, tôi được 1 đấu, còn đấu thiên-hạ cùng chia nhau ».

5) Cái gì trông không thấy thì gọi là *hi* ; cái gì nghe không thấy thì gọi là *di*.

NHÌN QUA VĂN-HỌC VIỆT-NAM NĂM 1941

Số 4

LÊ-THANH

Thơ

GIÒNG NƯỚC NGƯỢC II
của Tú-Mỡ

Sau bao nhiêu ngày lâu vắng tếng trong làng văn, làng báo, vừa rồi ta mới lại thấy ông Tú-mỡ với tập thơ trào phúng *Giòng nước ngược* của ông.

Cũng như tập trước xuất-bản vào năm 1934, tập này có một giá trị không ai trối cãi được.

Tự ông, ông đã là một bài thơ trào phúng :

« Tú-Mỡ nghe tên rõ chán-phè
« Làm thiên hạ tưởng béo sù ghê
« Chẳng thua cụ Y lườn nung núc
« Cũng hệt ông Vâm bụng lặc lè.

Mà hóa người thon như cái nhái
Te ra mình xác lựa con ve
Đôi hàng sườn sụn da căng sát
Hai hũm quai xanh nước đổ be

Mầu mỡ vì chưng ra cả bút
Thân hình nên mới ngẳng như que
Tú này béo mép, người không béo
Há phải như ai tướng lợn sề.
(Mỡ .. mà chẳng mỡ)

Cho đến những người xung quanh ông, bác phán, ông tham, người quen kẻ lạ... những việc xảy ra xung quanh ông, việc gia đình, việc xã-hội, việc trước việc sau...

Tất cả cái gì của có thể là đối tượng để ông cười và làm cho người ta cười

Những bài nho nhỏ trình bày những « lớp tuồng » nho nhỏ hợp lại thành một vở kịch đời đầy ý-vị.

Sau khi Tú-Xương qua đời, gần bốn mươi năm, nay ta mới lại có một nhà thơ như Tú-Mỡ và một tập thơ như *Giòng nước ngược*, một tập thơ mà nhà văn học sử ta sau này không thể bỏ qua được (1).

Những tập khác :
BỨC TRANH QUÊ của Cô Anh Thơ
THƠ SAY của Vũ Hoàng-Chương
MẤY VẦN THƠ (tập mới) của Thế-lữ

Giáo-dục

MỘT NỀN GIÁO-DỤC VIỆT NAM MỚI của Thái - Phỉ

Có lẽ là cuốn sách được người ta nói đến nhiều nhất trong năm vừa rồi. Không mấy tờ báo là không nói đến để mà khen.

Nhắc lại những lời khen ấy ở đây không phải là phận-sự của tôi, một người đã từng gần ông Thái-Phỉ, đã « từng trông thấy sự hi sinh của ông cho ông cuộc giáo-dục nhi-đồng » đã từng, ngay từ khi những tư tưởng về nền giáo-dục hiện thời của ông còn bị đem ra chế riễu, hi-vọng một ngày kia người ta sẽ hiểu những tư-tưởng của ông hơn.

Tôi chỉ dám, nhân lúc tính lại sổ văn học, ghi tên cuốn sách lên bảng danh dự bên những cuốn sách qui nhất của năm văn học vừa qua.

Kịch

MƠ HOA của Đoàn Phú-Tứ

NHỮNG CUỘC KỶ NIỆM VĂN-HỌC

Dở cuốn lịch nhỏ của tôi dùng tôi thấy năm vừa qua, được ghi mấy cuộc kỷ niệm những người có công với văn-học nước nhà :

« Từ buổi chiều hôm thứ năm 29 Mai 1941 Hanoi đất nghìn năm văn-vật ta thêm ra một nơi có quan - hệ về lịch-sử văn - hóa Việt - nam mà người đời nay nên đến chiêm - ngưỡng và người đời sau sẽ đến bằng-điếu, ấy là bia đá kỷ-niệm cố Alexandre de Rhodes, người có công-nghiệp lớn trong việc sáng tạo ra chữ quốc-ngữ ta... Đứng trước bia ấy tất cả dân tộc Việt-nam nên cái đầu tỏ lòng biết ơn ».

Trên đây là mấy lời tôi trích trong một bài tường-thuật lễ kỷ - niệm Alexandre de Rhodes. Mấy lời thành-thực ấy có thể thốt ra ở bất cứ người nào, đủ tỏ rằng người mình, tuy có cái bề ngoài lạnh lùng nhưng không đến nỗi thờ ơ đối với những người đã có công xây thêm cho cái lâu đài văn hóa của ta được ít nhiều.

Ở bờ hồ Hoàn kiếm nơi còn lại bao nhiêu dấu tích của lịch sử, trong một khung cảnh rất dẫn dị .A de Rhodes đã được ghi tên trên một tấm bia, bằng những nét vàng : Một mặt bằng chữ Pháp, một mặt bằng chữ hho và quốc ngữ.

Đức A-Lịch-sơn Đắc-Lộ

« Sinh ở A-vi-nhông ngày 15 tháng ba năm 1591 xuất-gia tu vào Dòng tên (Gia-tô-Hội) năm 1612. Đi từ thành Lít-sơ-bon sang ấn-độ ngày 29 tháng năm năm 1693. Cốt sang truyền giáo ở Nhật-bản, nhưng vì hồi bấy giờ xứ này cấm truyền giáo, nên lại được ủy sang Việt - Nam. Trong khoảng từ năm 1624 đến năm 1646, khi lưu ở trong Nam thuộc về chúa Nguyễn, lúc ở ngoài bắc dưới quyền chúa Trịnh có hai lần ở kẻ-chợ là Hà-nội bây giờ *(1627 - 1630)*.

Người truyền giáo có kết-quả lớn lao, sau muốn bảo tồn cái kết quả ấy và muốn dùng nền thánh giáo chắc-chắn cho giáo đồ Việt - nam, Người được phép tòa - thánh cho đặt các chức giám-mục chọn toàn người Pháp (1652)

Khi phải dời bỏ xứ Việt - Nam, người lấy làm tức, nên có nói rằng : «Phần xác ta dời bỏ đất Nam, với đất Bắc, nhưng thực ra lòng ta vẫn quyến-luyến, nói cho đúng, vẫn bàn hoàn với cả hai nơi, và ta chắc rằng không bao giờ lòng ta lại quên được hai xứ ấy...

Sau người được cử sang nước Ba-Tư, người mất ở Ích - ba - han ngày 16 tháng một năm 1660, hưởng thọ bảy mươi tuổi.

Người soạn ra nhiều truyện - kí đều diễn dịch ra mấy thứ tiếng và

người đã xuất bản được quyển sách Bồn và quyển Tự-vị tiếng Việt-Nam, tiếng Bồ-đào-Nha và tiếng La-tinh — là những sách bằng tiếng Việt-Nam dịch âm theo chữ La-tinh xuất-bản trước tiên — nên tên người cùng lưu-truyền với cái công-nghiệp phát minh ra chữ Quốc-ngữ. » (lời bia)

Chiều hôm ấy, lễ khánh - thành bia kỷ niệm nói trên đã cử - hành một cách long-trọng.

Sau mấy bài diễn-văn, học - sinh nam, nữ các trường công, tư lần-lượt diễu qua trước tấm bia... Cảm-động nhất là khi các trò nhỏ của Hội Truyền - Bá - Quốc Ngữ đi lên trong những bộ quần áo tuy sạch-sẽ nhưng những miếng vá không che hết nỗi nghèo nàn.

Thật đã sứng đáng với một người trong những người đầu tiên đã đem truyền bá chữ quốc-ngữ, một người có công với văn hóa Việt-Nam.

Ngoài ra, trong năm, ta được dự mấy cuộc kỷ niệm những người gần hơn cũng có công với nền văn chương Việt nam : Mồng mười tháng tám, hội Khai-trí Tiến-đức tổ chức cuộc kỷ niệm nhà thơ bất hủ Nguyễn Du ; ở Nha trang hội *Cercle Annamite* diễn thuyết về thi sĩ Hàn Mạc-Tử để kỷ niệm cái đêm ấy năm ngoái, nhà thi sĩ trẻ tuổi qua đời ; ngày 20 tháng tư hai nhà xuất bản lớn ở Hanoi và một hội ở Bắc-kỳ tổ chức cuộc diễn thuyết về thi sĩ Tản Đà...

Nhưng những buổi tôi đi nghe diễn thuyết, tôi tự hỏi chẳng nhẽ văn chương ta lại chỉ có bấy nhiêu ngày đáng kỷ niệm, tôi nghĩ đến những nhà thơ, nhà văn khác...

Mỗi lần tôi đi ngang ngắm cái bi-đình nguy nga ở bờ hồ, tôi không khỏi cung kính tưởng nhớ đến một người khác cũng có công với nền văn hóa ta, người đã đặt ra chữ nôm, tiếng đã sinh ra quốc ngữ của ta bây giờ.

Trong thâm tâm tôi ước ao một ngày kia ở dân đây cũng trong một khung cảnh như vậy, chúng ta có một đài kỷ niệm, một tấm bia trên đưới khắc mấy chữ vàng chói loi : Hàn Thuyên, người đặt ra thơ phú nôm.

Và tôi tưởng sẵn có lòng sùng bái danh nhân những ngày kỷ niệm về các bực công thần và đài kỷ niệm tôi mơ tưởng không bao lâu nữa ta sẽ được thay.

(Còn nữa)

LÊ THANH

1) Về nhà thơ Tú-Mỡ, đón đọc tập Phê bình đang soạn. *I. T.*

Những thiên giai-tác xưa nay đề vịnh về Trưng-vương sẽ gặp nhau trong số tới.

VIỆT-NAM VĂN-HỌC

do NGÔ TẤT-TỐ chủ trương

1) Lý triều văn học
2) Trần triều văn học I
3) Trần triều văn học II
4) Lê triều văn học I
5) Lê triều văn học II
6) Nguyễn triều văn học

Dày tất cả ngót 2000 trang in làm 2 hạng.
Loại giấy thường bán từ 6 p. 00 trở lên.
Loại đặc biệt — 20 p. 00 trở lên.
thêm cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả:
Loại giấy thường 4 p. 00 } cả tiền cước gửi.
Loại đặc biệt 12 p. 00 }

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả :
Loại giấy thường 5 p. 00 } cả tiền cước gửi
Loại đặc biệt 15p. 00 }

Ngài nào muốn coi một cuốn đầu xin gửi :
Loại giấy thường 1 p. 00 } cả tiền cước.
Loại đặc biệt 3 p 00 }

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi xuất bản

VIỆT-NAM DƯỢC-HỌC

in làm 12 cuốn

mỗi cuốn nói về 10 cây thuốc khác nhau dày trên dưới 3000 trang khổ 12x19, in làm 2 hạng ;

Loại giấy thường bán từ : 10p 00 trở lên
Loại giấy đặc biệt bán từ : 30p.00 trở lên

thêm 2p 00 cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả.
Loại giấy thường 7p,0 } tiền cước gửi
Loại đặc biệt 12p 00 }

Ngài nào mua trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả.
Loại giấy thường 7p.00 } và thêm 1p.92
Loại đặc biệt 11p.00 } tiền cước gửi

Ngài nào muốn coi một cuốn xin gửi,
Loại giấy thường 1p 00 } cả tiền cước
Loại đặc biệt 3p 00 }

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho ;

Nhà in Mai-Lĩnh Hanoi

là nhà đã nhận xuất bản

các sách thuốc của hội Y-học Trung-kỳ

Giai thoại trên đàn văn

VAY TIỀN, TRẢ CHỮ

ÔNG nghè Tân (1), một ngày gần tết, túng quá, đi hết bạn này đến bạn khác, không vay được tiền ! Sau cùng hết kế, ông phải liều đến nhà một tay cự-phú ở Hải-dương để vay.

Nhà cự-phú biết ông là người hay chữ và hay trêu ghẹo các quan, cũng nể nhời cho vay, nhưng bắt ông làm văn-tự.

Sau khi ký giấy giao tiền, ông Tân đính ra về. Nhà chủ nhân sắp tết, nài ông viết cho mấy chữ dán cổng trong buồng và nhà bếp.

Ông Tân bực mình vì còn lo đi sắm tết, bất đắc dĩ bảo mang bút giấy ra, rồi không nghĩ ngợi gì ông đề ngay cho mấy chữ. Gián cổng-ông viết : «*Đông tây tứ chí*» (2). Buồng ngủ ông viết : « *Tinh thê đẳng* » (3) và, nhà bếp, ông đề : «*Vi chiều dung giả* » (4).

Nhà chủ thấy chữ tốt, nên cứ đem ra dán các nơi.

Rồi trong mấy ngày tết ai, đi qua cổng vào chơi nhà cũng không khỏi tức cười về mấy chữ ấy.

TIÊN-ĐÀM thuật
theo nhời một vị lão-nho

1) Coi thêm bài *Sự thực về ông nghè Tân*, T. T. số 30

2, 3, 4 Chữ ở trong lòng văn-tự vay nợ và tậu nhà tậu ruộng : « Đông tây tứ chí » : Bốn bề giáp-giới của nhà đất. « Tinh thê đẳng » : cùng với vợ. «Vi chiều dụng giả» : theo đây mà dùng.

Hộp thư

Cùng ông T. S , Vĩnh-Yên

Trong bài « *Trên ao thơ Bạch cư-Dị* » đăng ở Tri-Tân số 11, tôi có chua mấy câu văn dịch bài *Tì-bà hành* như đã dẫn ra đó là của Phương-đình Nguyễn-Siêu. Đó là căn-cứ theo trong *Tứ dân văn uyển* ra ngày 15 juin 1936 đã nói như vậy.

Nay ông T. S. nói trong thư đề ngày 5-2-42 rằng, hồi ông còn học ở nhà trường, có được một giáo-sư cho biết bản dịch bài *Tì bà* ấy là của ông Phan huy-Vịnh ở Sài-sơn. Vậy mong ông T. S. hoặc các bạn đọc thân-yêu làm ơn cho biết chứng-cớ nếu bài ấy quả thật là của ông Phan huy-Vịnh. H.-B.

Tin làng báo

«*Báo Mới*», tức tờ «Trung Bắc Tân Văn» xưa đổi tên lại, phải tự đình-bản, sau khi ra số chót ngày 28 Février 1942, vì có các vật liệu dùng làm báo, nhất là giấy và chữ in đều khan cả. Tri-Tân rất lấy làm tiếc, từ nay, trong làng báo Bắc kỳ vắng tiếng một bạn đồng nghiệp kỳ, cựu, và mong, có dịp, «Báo Mới« lại sẽ tục bản như thường.

« *Tin Lào* », tờ báo Việt-nam đầu tiên ở Ai-lao, đã ra số đầu vào ngày 15 Février 1942. Ngoài 8 trang khổ nhỏ viết bằng tiếng Nam, « Tin Lào » còn có 2 trang viết bằng tiếng Pháp nữa. Tri-Tân xin thành thực mừng và chúc bạn đồng nghiệp được gặp mọi sự may mắn trên đường ngôn-luận.

Tin vắn hằng tuần

ĐÔNG-DƯƠNG

Bắt đầu từ 23 février tại trường Y-học Đông-dương sẽ khai giảng lớp dạy về bệnh ung thư. Các sinh-viên ở năm thứ sáu đều bắt buộc phải học lớp này. Các viên bác-sĩ và y-sĩ đều có thể xin theo học lớp này được.

Số người vào cửa Hội chợ được tới 30 vạn 6 nghìn, hơn hội chợ năm 1938 trên bảy vạn. Số thu được trên 10 vạn hai nghìn đồng.

Theo nghị-định ngày 14 février 1942, các trường tư thục đã khai giảng ít ra được hai năm và tỏ ra là cần thiết và có kết quả đều có thể được trợ cấp.

Những trường tư-thục về ban trung-học, ban công-nghệ (trường dạy nghề, trường kỹ-nghệ thực hành và các trường dạy nghề riêng nói trong khoản hai nghị định ngày (30-12-41) đều được trợ cấp của ngân sách chung Đông-dương.

Những trường tư thục : về ban sơ học, sơ học công nghệ đều được trợ cấp ngân sách hàng xứ, hàng tỉnh hoặc của thành phố.

Theo như đạo sắc lệnh ngày 20 Mars 1940, chính phủ Đông-dương đã cho phát hành 10 triệu đồng bạc tiền giấy 1 hào, 2 hào và 5 hào. Nay chính-phủ cho tăng số giấy lẻ ấy lên 20 triệu đồng vì lại mới phát hành cả tiền giấy 5 xu nữa.

Lễ tế Nam-giao năm nay sẽ cử-hành vào 28-29 mars.

QUỐC-TẾ

Quân Nhật đã đổ bộ ba mặt ở Java và tràn sâu vào những nơi trọng yếu. Quân Hà-lan đã phá hủy các khu nhà máy lọc dầu ở 2 chỗ trong đảo.

5 sư-đoàn quân Tàu ở Diến-điện chừng không muốn đánh nữa. Trong 400 triệu dân Ấn-độ chỉ có 50 triệu theo Anh.

Định đánh úp đảo Wake của Nhật mới chiếm được tiểu hạm đội đồng minh bị hải quân Nhật đánh lui. Trong 3 trận giao chiến, đồng minh bị đắm 11 chiếc tuần dương và khu trục hạm, lại bị hủy 4 chiếc nữa. Hơn 460 phi-cơ Đồng minh ở Nam dương quần - đảo bị phá hủy. Quân Nhật đang bao vây Rangoon, kinh đô Diến điện.

Nhật đổi đại sứ ở Nga và cử thêm một vị đặc sứ nữa sang giúp việc vì tình-hình bang-giao Nhật, Nga có vẻ nghiêm trọng.

Thời đàm

ẤN-ĐỘ

NHẬT-NHAM

ẤN-ĐỘ là một đoi đất địa-thế rất rộng, tại miền Nam-Á, chia làm hai khu-vực : xứ Hindoustan tức là nước Ấn-độ ngày nay và vùng Ấn-độ Chi-na gồm có các xứ Diến - điện, Thái - lan, Cao-mên, Ai-lao, Nam-kỳ, Bắc-kỳ, Trung-kỳ và eo-đất Mã-lai.

Giữa hai khu-vực, có sông Gange làm giới-hạn. Sông Gange là một con sông dài nhất châu Á (3100 cây số) phát-nguyên từ núi Hi-mã Lạp-bá chạy qua miền Bénarès và Patna, và một cánh đồng-bằng ruộng đất phì-nhiên, rồi chẩy vào vịnh Bengale

Dãy núi Hi-ma-lạp ba với nhiều ngọn trùng trung điệp điệp làm một bức trường-thành ngăn cách nước Ấn-độ với xứ Tây-tạng nước Trung hoa về phía Bắc. Dưới chân núi Hi mã-lạp-ba là nơi phát-nguyên của hai con sông Gange và Indus chay qua nhiều thung-lũng rất sau. Hai con sông nay co rất nhiều chi-lưu, lại thêm sông Branamapoutra tai-bồi nên nhưng canh đồng-bằng phì-nhiêu quanh miền lưu-vực.

Ngoai dãy nui Hi-mà lạp-bá, nước Ấn-độ còn có nhiều nui non hiểm-trở như nui Vindhyâ, nui Ghâtes.

Mien trung-tam Ấn-độ la một cao-nguyên co nhiêu hỏa-diêm-sơn tức la mien Deccan.

Khí-nạu Ấn-độ rất nóng, hàng nam co gió mua chia lam hai mua khô rao và mua mưa.

Ấn-độ san-xuất gạo, ngũ cốc, hạt có dầu, hồ-tiêu, bông, thuốc la, chè, gỗ quý, cac thứ kim khí, van van...

Một phần to Ấn-độ thuộc Anh-cat-lợi cai-trị. Nước Pháp và nước Bồ-đào nha cũng có nhiều căn-cứ trên đất Ấn-độ.

Ấn-độ của Anh gồm các tỉnh trực trị và nhiều vùng bảo-hộ như Haiderabad, Mysore, Barodo vân vân. Diện tích rộng 4764.000 cây số vuông với 316 triệu người. Xứ Boutan và Népaul vẫn là hai miền độc lập chưa thuộc đế-quốc Anh.

Ấn-độ của Bồ đào nha gồm các đất-đai : Goa, Damao và Diu rộng 3807 cây số vuông và có 548 nghìn người.

Người Pháp cai-trị năm tỉnh Ấn-độ : Pondichéry, Chandernagor, Yanaon, Karikal và Mahé, diện-tích 513 cây số vuông với 277 nghìn dân.

Từ thượng cổ thời đại, người Aryas trên cao-nguyên Pamir (cao 5000 thước tây, làm giới-hạn giữa nước Nga và Á phú-hãn di-cư đến cao-nguyên Ba-tư và đến lưu - vực sông Indus rồi chinh-phục dân Dasyons là Thổ-dân miền này. Từ đó bắt đau thơi-kỳ thứ nhất của lịch-sử Ấn-độ, rồi tiếp đến thời-đại ba-la môn. Đạo Bà - la - môn rất phức-tạp, nên chẳng bao lâu dân-chúng thiên về Phật - giáo, nhờ thế mà Phật-giáo được toàn-thịnh vào thế-kỷ, thư IV trước Tây-lịch.

Hồi ấy, vua Ba - tư là Darius chiếm khu-vực giữa sông Indus và miền Paropamisus đạt quan cai-trị, và sáp nhập vào đất Ba-tư.

Kế đến quân của vua Alexandre sang chinh-phục nước Ấn-độ, đạt Ấn-độ dưới quyền đô-hộ người Hi-lap. Nhưng sau khi vua Alexandre bang-hà, vua xứ Syrie la Selencus công nhận cho miền Tchandra Goupta được độc-lập.

Cuối thế-kỷ thư 1 trước tây-lịch, nước Ấn-độ bị các bộ-lạc dân vùng bắc châu Á kéo xuống tàn-phá, chia làm nhiều nước nhỏ. Đến thế-kỷ thư 7, Ấn-độ thuộc người Ả - rập bảo-hộ. Người Ả-rập cai-trị Ấn-độ tới thế-kỷ thứ 12 thì bị người A-phú-hãn đánh đuổi. Đến thế-kỷ thứ 14, người A-phú-hãn phải dời đất Ấn-độ trước sức mãnh-liệt của quan Mông cổ từ phía bắc tràn xuống. Người Mông-cổ làm vua nước Ấn - độ trong vòng ba thế-kỷ, rất chú-trọng đến việc ngoại-giao, nội-trị, ngoài thì giữ nguyên bờ cõi, trong thì đem cuộc thái-bình thịnh - trị gây mối hạnh-phúc cho dân-chúng.

Bắt đầu từ thế-kỷ thứ 15, người Bồ-đào-nha di-cư đến Ấn - độ, rồi dần dần người Hà-lan, người Pháp, người Anh cũng theo nhau đề chân lên đất Ấn-độ.

Năm 1757, khởi cuộc binh - đao giữa Anh và Ấn-độ, một cuộc chiến-tranh khốc-hại kéo dai đúng một thế-kỷ cho mãi đến năm 1856 mới kết liều.

Quân Anh phải nhiều phen huyết chiến với quân Mahrattes là những chiến-sĩ rất dũng-cam đã từng làm cho bên địch phải tổn-hại trước khi chịu hạ khí-giới vào năm 1818.

Bình xong quân Mahrattes, quân Anh lại phải dẹp một toán quân cần vương trong miền Panjab. Quân can-vương nay gồm có Sikhs la một phai-đồ Bà-la - Môn di - cư đến miền Panjab từ đầu thế-kỷ thứ 19. Nhiều nha tham-hiểm Âu-châu qua Panjab đã tổ - chức giúp dân Sikhs thanh những quân-đội có kỷ-luật, có chiến-thuật. Cho nên người Anh phải hao binh tổn tướng trong hai trận kịch - chiến năm 1845 và 1849 mới bình xong giặc Sikhs. Từ do, dan Sikhs vui lòng ở dưới quyền đô - hộ người Anh ma nhưng quân Sirks ngày nay la những quân tinh - nhuệ làm vẻ vang cho quân - đội Ấn - độ trên trường chiến-đấu. Trên đường giao thông giữa Ấn - độ và Á-Phú-Hãn, pháo-đài jam-Roud, nhờ có quân-đội Sikhs, mà giữ được vững ngoài biên, giữ được yên bờ cõi.

Nam 1849, dẹp yên giặc Sikhs thì đến năm 1857, binh-lính ban xứ nổi loạn làm cho chính - phủ bảo-hộ Anh phải một phen nguy - ngập.

Nhưng cuộc đồ man chỉ thu hẹp trong miền đồng-bằng sông Gange và sau hai năm huyết-chiến, trong nước lại trở lại cuộc thăng-bình.

Sau cuộc nội biến nay người Anh bãi công-ty Ấn-độ đã có công

trong cuộc chinh-phục toàn cõi Ấn-độ và vẫn giữ quyền cai-trị Ấn-độ tới khi ấy. Ấn-độ từ đó để thuộc quyền Anh-hoàng và Chính - phủ Anh cử Phó-vương đại-diện cai-trị. Năm 1876, Ấn-độ đặt thành đế-quốc và Hoàng hậu Victoria lấy hoàng hiệu là Nữ-hoàng Ấn độ

Ấn-độ có 240 triệu người Ấn-độ và 80 triệu dân Hồi hồi Hai giống người này rất ác cảm với nhau, từ bao đời vẫn không thể hòa thuận được với nhau. Các nhà cầm quyền Anh lợi dụng sự chia rẽ ấy để cai-trị được dễ dàng. Vì vậy chỉ một ít quan chức người Anh mà điều khiển được vận mệnh mấy trăm triệu dân Ấn độ.

Tuy nhiên, chính sách cai trị của người Anh cũng không thể không gặp phản động lực giữa dân chúng. Trong nước vẫn nổi một phong trào quốc gia khuynh hướng về việc giải phóng cho toàn cõi Ấn độ khỏi vòng đô hộ người Anh. Trong số các lãnh tụ, phái điều hòa thì muốn yêu cầu cho nước họ được tự trị, còn phái ái quốc xôi nổi thì hăng hái muốn trục xuất người Anh ra khỏi đất Ấn độ, dù phải dùng đến bạo động cũng không chịu lùi bước.

Năm 1921, người Anh đã phải một phen khó nhọc để tiêu trừ những cuộc phiến động trong xứ Ấn-độ.

Tuy dùng võ lực để trừ nội tiến, người Anh cũng nghĩ đến việc nới rộng phạm vi cuộc cai trị Ấn độ. Năm 1919, tại Ấn độ có đặt hiến-pháp, lại thành lập một hội nghị tư pháp do dân bầu cử.

Hằng năm, Ấn-độ được cử đại-biểu sang Anh dự hội-nghị đế-quốc, để bàn về các vấn-đề có quan-hệ chung đến các thuộc-quốc. Mà cạnh các đại-biểu người Anh, đại-biểu Ấn-độ cũng với đại biểu các thuộc-quốc cũng được dự bàn trong các kỳ hội đồng của hội Quốc-liên.

Từ năm 1915 đến năm 1918, xứ Ấn-độ đã dự một phần quan trọng trong cuộc Âu-chiến. Quân-đội Ấn-độ đã từng chiến đấu tại các mặt trận miền tây Âu, trên eo đất Dardanelles, trong vùng Mésopotamie

Mà trong cuộc chiến tranh hiện-thời, quân đội Ấn-độ cũng đã lập được nhiều chiến công oanh liệt trên các mặt trận hoàn cầu, giúp Anh kháng chiến với phe Trục.

Sau khi hạ được quân cảng Tân-gia ba, quân Nhật tiến đánh Diến-điện rất gấp và đã tới kinh-thành Rangoon.

Thành Rangoon đương ở trong một tình thế nguy ngập.

Hiện nay, trên đất Diến điện quân đồng minh trong có quân Ấn-độ và Tầu đương kịch chiến với quân Nhật để mong giữ vững tình thế.

Sự hợp tác chặt chẽ giữa Ấn-độ và Trung hoa cùng sự liên lạc mật-thiết của quân đội hai bên là kết quả quan-trọng của cuộc đàm-phán giữa Anh và Trùng-khánh tại Ấn-Độ.

Về phương diện binh bị, cuộc phòng thủ Diến-điện được coi như thuộc vào chương-trình phòng thủ Ấn-độ.

Diến-điện ở trong một tình-thế cấp-bách, nên Ấn độ sẽ chiếm một địa-vị quan-trọng trong cuộc kháng-chiến của Anh.

Đường Diến-điện vẫn dùng để vận-tải chiến cụ cho Trung-hoa sắp bị cắt đứt, chính phủ Trùng-khanh đã dùng đường hàng-không Ấn-độ để tiếp-tục chiến cụ thay cho đường Diến-điện.

Nay mai Tưởng giới-Thạch sẽ cử một phái bộ quân sự sang Ấn độ để liên lạc trong cuộc hành-binh.

Trên đất Ấn độ, đã bắt đầu phòng thủ để đối phó với tình-thế hiện-thời.

25 Février 1942, tại hai tỉnh Karachi và Bombay đã tập phòng không.

Phía bắc Ấn-độ cũng đương dự-bị một cuộc tập trận rất lớn,

Một ngày không xa, Ấn-độ-dương nổi sóng, xứ Ấn độ sẽ là nơi tập-trung các lực lượng của đế-quốc Anh, là căn cứ của Anh để liên-lạc hai chiến-truyến Âu-Á trong một cuộc trường kỳ đề-kháng.

Công dụng của xứ Ấn độ không phải là nhỏ vậy. NHẬT-NHAM

Những ông Nghè chiêu Lê

Tiếp theo trang 8

tờ 35 b, Phan-hòa-Phủ biên-tập, Phan-huy-Sảng tuần dính) cũng chép « ông ba mươi một tuổi đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ khoa mậu-thìn năm Thai-hoa thứ sau (1448) ; lúc mới lam đồng-tu quốc-sử, rồi làm đến an-phu đại-sứ, hưởng thọ sáu mươi nhăm tuổi, về tri-sĩ, rồi mất »

12 — Nguyễn - thúc - Thông, người làng Quế-dương, huyện Đan-phượng, phủ Quốc-oai. Ba mươi tư tuổi đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ khoa mậu-thìn (1448). Lúc mới làm đồng-tu quốc-sử, sau làm đến tham-chính Ông là tổ ba đời ông Nguyễn-quang-Sạn ; ông cháu đỗ cả.

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tài-liệu để đính-chính

Tiếp theo trang 7

chép là « có nhường ai », thì không đối với vế dưới là « cao gối mau chân không kẻ đợi », v. v.

4) Nguyên-văn chữ Hán như sau này ; hiện chưa ai in bản nôm ra quốc-ngữ.

Ô-diên cổ-thành

Lý Triện sơn hà dĩ biến canh,
Phi diên kỷ xứ độc ai minh !
Chiến hỏa đề cục tùng lưu thủy,
Xương bích không dư thảo mãn thành,

Thiên-phù biệt-phái

Thủy giảo vô phương bạch trĩ đầu
Thiên phù sa ngạn tích do lưu.
Nhất gia phu phụ thiên thu mĩ u
Hưu quốc trung hồn thắng kỷ tu

Tìm xuân miền rừng núi

HÁT LƯỢN

NHẬT-NHAM

TRAI gái ở vùng Lạng-sơn có nhiều cuộc chơi xuân rất thú. Ngoại trò «ném cồn», họ lại còn có tục «hát lượn» nữa.

Làng này sang làng khác xem hội, họ thường đi từng bọn năm, sáu người. Khi trời gần tối, trai gái ở xa toan từ-biệt ra về, thì trai gái trong làng ra lưu lại, kéo nhau vào họp trong một nhà đã sửa soạn từ trước. Vào tới nơi, cơm rượu sẵn-sàng, cứ việc cùng nhau chén thù chén tạc. Cha mẹ muốn cho trai gái được tự-do, bèn lánh vào trong nhà. Trai gái ngồi chen vai thích cánh nhau để tiện ép nhau uống rượu. (*Cót có đốc lầu hử căn kin vớ* = Ôm cổ dốc rượu cho nhau uống).

Giữa tiệc rượu, hai người con trai ra lượn đồng-thanh nài khách xa cùng lượn cho vui.

Thế là bắt đầu một cuộc trao đổi tình-tứ bằng những bài hát lượn sau đây.

Một bên cùng hát để nài bên kia :

Mơ bài khai khẩu ước chào xuân
(Mở bài khai khẩu hãy chào xuân)
Tiếng ca duyên cần mì ái-ân
(Nghe tiếngnhà người có lòng ái-ân)
Tiếng ca duyên cần mì xuân-sắc
(Nghe tiếng nhà người có vẻ đẹp mùa xuân)
Xuân-sắc mà đăm quảng tiếng cần
(Vẻ đẹp mùa xuân về chiều tối lẫn bóng người)

X

Mơ bài khai khẩu ngộ tương-tri
(Mở bài khai khẩu : gặp tương-tri)
Cư piác tè sam bạn tảng thì
(Cất giọng hỏi thăm bạn khác nơi)
Cư piác tè sam ban tang bản
(Cất giọng hỏi thăm ban khác làng)
Tang oản mì thương hợi nả mì ?
(Bạn khác làng có lòng thương đến hay không ?)
Bạn hợi ! dương rừ nả ngẩm xâu
(Bạn hỡi ! sao mà không nghĩ xâu)
Pi bươn suối khin tợ lăm lầu
(Ngày tháng thoi đưa tựa cây thau mọc)
Pi bươn suối khin tợ lăm cước
(Năm tháng thoi đưa tựa giây cước)
Khắp nước chơi xuân hả một rầu
(Khắp nước chơi xuân, hả chỉ riêng chúng ta !)

Trai làng « lượn » đến bài này, thì quay lại ép mời bạn gái ở xa đến một chén rượu :

— *Nè chẻn nầy quá pây xam ni xe ngỏ pây nỉn đuổi*. Này ! uống chén rượu này xong rồi sang hỏi anh ấy chờ tôi đến nhà chơi với nhé.

Dù không uống, con trai làng cũng cố vít cổ đổ rượu vào mồm các cô ở xa lại. Các cô tuy ngồi giữa mâm rượu đương ăn uống cũng phải ngừng lại để hát trả nhời.

Đêm khuya thanh-vắng tiếng khuya đó,
Chim kêu thánh-thót lọt bài thơ.
Đương tọa đồng bàn «chim mây» (1) hợi
Bằng-hựu có lòng hãy đợi-chờ !

X

Đêm khuya thanh vắng tiếng khuya lhơ ;
Cơm nước đương ăn chưa vội nài
Đương tọa đong bàn «chim mây» hợi !
Hạ bàn thong-thả sẽ tình chơi

X

Khin rườn chúut đèn te ngồi nả
(Lên nhà thắp đèn để xem mặt)
Ngỏi pần bạn khóa rự vẩn xưa
(Xem như bạn cũ từ ngày trước)
Khin rườn chuát nến te ngỏi cần
(Lên nhà thắp nến để xem người)
Ngỏi pần bạn cố-nhân te lươn rừ
(Xem như bạn cố nhân để lượn chơi)

X

Mạy khoang thác lặn tấu vườn pàu
(Gặp gỗ tránh đường nên quanh sang vườn nữa)
Mùa lin mùa khua nầu dám au ?
(Mùa chơi bời vui cười, ai dám lấy)
Mùa lin mùa khua nầu au đáy ?
(Mùa chơi bời vui cười, chứ ai đã lấy nhau ngay được ?
Đáy cạ au đáy đia pần chàu
(Nếu lấy được nhau thời tôi đã làm nên giàu rồi)

X

May khoang thúc lặn tấu vườn deng
(Gặp gỗ chắn đường, nên quanh sang vườn chác)
Mùa lin mùa khua nầu dam cheng ?
(Mùa chơi bời, mùa vui cười, ai dám tranh)
Mùa lin mùa khua nầu cheng đáy ?
(Mùa chơi bời, mùa vui cười, ai tranh được)
Pần răng cheng đáy đia pần danh
(Giả thử tranh được, tôi đã nên danh giá)

X

Khấu đông hăn mạy liên nhặc
(Vào rừng thấy cây liền chặt)
Khấu bản đơn mà kén cần tốt sắc rự nàn hăn
(Vào làng chúng tôi mà kén người đẹp thì khó thấy lắm)

X

Năm luấy lông hát, nặm mưa dòra
(Nước chảy xuống thác, nước về sông)
Căm khấu bâu miầu phân hắt soong
(Cầm vào lá dầu chia làm hai)
Căm khấu bâu miầu phân hắt hả
(Cầm vào lá dầu phân làm năm)
Bạn hợi ! nả lượn lai, lượn sắc piòng
(Bạn hỡi ! không lượn nhiều thì lượn một nửa)

X

Bạn hợi ! dương rừ nả ngẩm thâng
(Bạn hỡi ! sao mà không nghĩ đến)
Bản nọi, rườn đ êu, dá sấu đông !
(Làng nhỏ, nhà chơ chọi gần rừng)
Bản nọi, rườn đ êu, đông dá sấu !
(Làng nhỏ, nhà chơ chọi, rừng ở gần)
Năm thì mười họa chẳng mà thâng

(Năm thì mười họa mới về đến một lần)

X

Bạn hỡi ! dương rừ ná ngắm xa
(Bạn hỡi ! sao mà không nghĩ xa)
Bản nọi, rườm điều, dá sấu phía !
(Làng nhỏ, nhà chơ chọi, gần núi đá)
Bản nọi, rườm điều, phía dá sấu
(Làng nhỏ, nhà chơ chọi, núi đá ở gần)
Năm thì mười họa chẳng mà qua
(Năm thì mười họa mới về qua một lần)

X

Bạn hỡi ! dương rừ ná ngắm giăng)
(Bạn hỡi ! sao mà chẳng trả nhời
Hoy là sầu não đuổi về lăng
(Hay là sầu não với bên ngoại (nhà chồng)
Sầu não về lăng mặc sầu não
(Sầu não về bên ngoại mặc sầu não)
Hễ rà mưa đuổi may khỏi quăng
(Hễ chúng tôi đi theo chăng nữa thì sẽ lấy gỗ ném)

X

Bạn hỡi ! mì khan khan mà khoái
(Bạn hỡi ! Có trả nhời thì mau mau lên)
Khan mà thầu kẻ đáy thình giai
(Trả nhời để các cụ già được nghe giải)
Bạn hỡi ! mì khan khan mà thôi
(Bạn hỡi ! Có trả nhời thì trả nhời đi thôi)
Khan mà thầu kẻ đáy thình nhời
(Trả nhời để các cụ già được nghe nhời hát lượn).
Đêm khuya thanh vắng tiếng khuya thay !
Cơm nước đương ăn chưa rời tay
Cơm nước đương ăn sao anh vội ?
Bằng hữu có lòng cất chân vào trong nhức chén này

Hát xong bài này, các cô rót hai chén rượu, kéo bên làng ngồi vào màn uống cho hết. Nếu bên làng không nhận rượu mà ý còn muốn « lượn » nữa thì con trai bên khách đứng lên hát :

Đêm khuya thanh - vắng, tiếng khuya chi,
Cơm nước đương ăn, chớ vội gì !
Cơm nước đương ăn sao em vội ?
Bằng dường như bắt ngặt đuổi anh đi.

Trai làng thấy nói thế không dám nài « lượn ». chờ cho khách ăn xong lại hát nối luôn :

Chơi xuân lin rậu rậu mì mùa,
(Chơi xuân có thì có mùa)
Ná quản cầm răng cần thế khua,
(Chẳng quản điều chi người đời chê cười)
Ná quản cầm răng cần thế cháng
(Chẳng quản chi người đời dinghị),
Ngân chèn pác péng tạn cầm khua
(Tiền bạc trăm nén mua lấy tiếng cười).

Bên khách ăn xong, mới cất giọng « lượn » ba bài sau này để xin phép cha mẹ trong nhà :

I

Đêm khuya thanh vắng tiếng khuya trai.
Kính các phụ mậu tràng-sinh bất luận bai.
Kính phụ mẫu tràng-sinh bài bất luận,
Mặc lòng tôn-tử khẩu sơ khai

II

Đêm khuya thanh-vắng, tiếng khuya minh,
Kính phụ mậu tràng sinh bất luận tình.
Kính phụ mậu tràng sinh tình bất luận,
Mặc lòng tôn tử khẩu sơ sinh.

III

Đêm khuya thanh vắng, tiếng khuya thơi,
Kính phụ mậu tràng sinh bất luận nhời.
Kính phụ mậu tràng sinh nhời bất luận,
Mặc lòng tôn tử khẩu so chơi.

Nếu khách xưa nay chưa đến làng hát « lượn » bao giờ, hoặc chưa quen ai có mặt tại đấy, thì hát :

Đầu năm xuân thủ tuyết hoa tranh,
Trạch đáy vần đây pây xuất-hành.
Trạch đáy vần đây pây chơi lin
Nhất mà cầu lộc, nhị cầu danh
Đêm khuya thanh vắng, vắng canh tường,
Nhất mà thăm bóng, nhị thăm đường.
Thăm bóng thăm đường còn xa lạ,
Đôi bên còn lạ, biết ai thương.

Nếu khách đã có lần đến làng « lượn » rồi mà trong khi « lượn », bà con quen biết, đến chơi đông, thì « lượn » bài này để tạ ơn :

Đêm khuya thanh vắng, vắng canh thời,
Huynh-đệ lâu ngày về đến chơi.
Huynh-đệ lâu ngày về chơi đến,
Ơn tình bằng-hữu đang vui chơi.
Đêm khuya thanh-vắng, vắng canh thơi,
Giời phân huynh đệ cách đôi nơi !
Giời phân huynh đệ cách biệt chốn,
Họ-hàng thân-thích tối về chơi

. . . . . .

Rồi cuộc vui suốt sáng, câu hát thâu đêm đến khi canh tàn, khắc vợi, giọng hát, tiếng cười còn văng-vẳng trong cõi tịch-mịch hư-vô, trước khi sắp sửa lên đường với một mối cảm-tình lưu-luyến.

Khách từ tạ vài câu :

Đêm khuya thanh vắng, vắng canh thơi,
Huynh-đệ về chơi đã lâu rồi.
Huynh-đệ về chơi đã lâu tháng,
Ngày mai sáng rạng phượng hồi nơi.

Thế rồi tay cầm tay, bâng khuâng nhớ người, nhớ cảnh, khôn nỡ dời chân...

Cho mãi đến lúc mặt trời lấp ló đầu non, hai bên mới từ-biệt ra về, hẹn chóng tới ngày xuân năm sau để lại cùng tuổi xuân tưng-bừng, nô-nức...

NHẬT-NHAM

1) Gọi con trai làng là chim mây.

Cải chính

Tri-Tân số 36, trang 14, cột 1' dòng 17 : sau chữ « quân », thừa chữ « ta » ; dòng 24 : sau chữ « chực » thừa chữ « cướp ».

THOÁT CUNG VUA MẠC

Số 12

CHU-THIÊN viết

UY-ĐỨC đại-vương thật lan khắp non sông cây cỏ, xin đại-vương uống cạn chén này để mừng cho tiện-thiếp được nhờ uy-đức đại-vương mà rửa được mối nhục đau lòng, và mừng cả thần-dân thiên-hạ từ nay được hưởng thái-bình.

Mạc-vương hà-hà cười, đỡ lấy chén rượu, uống cạn một hơi, rồi khen :

— Ái-khanh người đẹp lại nói có duyên quá, ai mà nỡ chối-từ.

Rồi đo hai người đối ẩm, Liên-Tường hết sức khéo-léo chuốc rượu khuyên mời Mạc-vương.

Mạc-vương vốn không uống được rượu, lúc ấy nhân quá chén, nằm lăn ra đấy rồi ngủ thiếp đi. Bấy giờ canh đã khuya, bốn bề yên-lặng như tờ, nàng lấy chăn đắp cho Mạc-vương, rồi truyền cất dọn xong đâu đấy, nàng cho tất cả thị-nữ lui đi ngủ ! Còn nàng bắc ghế ngồi cạnh giường túc trực.

Đêm khuya, một mình, một bóng với một ngọn đèn, nàng bâng-khuâng tự nghĩ : Ta nay thù nhà đã báo, lẽ nên một thác cho rồi, nhưng cha già còn chửa cứu ra thì sao vội quyên sinh cho được. Ta phải tìm kế cứu cha đã...

Nàng nghĩ quanh nghĩ quẩn, một mình ngồi nhẫn tàn canh, không hề nhắp mắt. Trong khi ấy, tự các chòi canh, những tiếng cồng, tiếng mõ cầm canh nhát nhát lại vọng vào mãi tận trong thâm-phòng, như hòa với sóng lòng vị « thứ - phi » đang quay-cuồng mưu tính...

V

Hôm sau giời vừa sáng, màn sương lạnh-lẽo, trắng biếc của mùa đông còn là-là bao-phủ khắp cả, thì, trong phòng, Mac-vương tỉnh dậy, vương mệt-nhoc ê-ẩm cả mình, nhưng thấy Liên-Tường tiểu-thư vẫn ngồi canh, vương lên gượng ngồi dậy, cười bảo nàng rằng :

— Ái-khanh ơi ! Đêm qua vì ta quá chén đến nỗi phụ cả giai-kỳ, khiến cho ái-khanh một mình tịch-mịch canh trường, thật là lỗi đao vợ chồng xin ái-khanh cũng lượng tình tha-thứ cho ta ! Để dành đêm rạy, ta sẽ cùng ái-khanh ân-ái !

Liên-Tường tiểu-thư nghe nói, mặt đỏ bừng bừng, cứ cúi đầu nín-lặng không nói-năng gì cả. Mạc-vương tưởng nàng giận, liền đứng dậy, lại gần nàng, vuốt-ve mái tóc mà nói :

— Tại ta quá say mà cũng tại ái-khanh khéo chuốc mời ta đấy chứ. Thôi ái-khanh xá lỗi cho ta. Đôi ta ân-ái còn dài...

Liên-Tường tiểu-thư bỗng cười đứng lên đỡ lấy Mạc-vương mà rằng :

— Trăm lạy đại-vương, xin đại-vương đừng nghi oan cho tiện-thiếp làm vậy. Tiện-thiếp chỉ lo đại-vương vì quá vui ở Tây-phòng, ngộ rồi ngoc-thể bất an, chểnh-mảng cả quân-quốc đại-sự thì tiện-thiếp thật đắc tội với đại-vương và mang tiếng với các phòng...

Mạc vương cố cười vui - vẻ đáp :

— Ái - khanh lo chu - đáo quá. Nhưng ta có việc gì đâu, Thắng-hoặc ta có sao chăng nữa, cái đó cũng tại ta cả, vui lắm thì phải mệt, chứ có việc gì đến ái-khanh. Mà ta với ái-khanh đã chung chăn gối gì đâu, ái khanh đã vội lo ngại.

Liên-Tường lại nũng-nịu nói với Mạc vương :

— Đại vương biết cho như thế, tiện-thiếp cũng tạm được yên lòng. Vậy xin đai-vương nằm yên nghỉ kẻo mệt đến ngoc-thể.

Mac-vương cười nói :

— Không, ta phải lên chính - tẩm của ta chứ Ái-khanh cứ yên lòng. ta không việc gì đâu.

Liên-Tường nói :

— Vâng. Nhưng đại-vương cho tiện thiếp được hộ-giá đại-vương và nếu đại-vương có trái gió giở giời sao, xin cho tiện-thiếp được ở đấy hầu hạ đại-vương để tạ ơn tri-ngộ !

Mac-vương cả cười :

— Gớm, ái - khanh lo xa quá. Được nếu ta có sao thì chả nhờ ở ái-khanh chăm nom cho, còn nhờ ai nữa ? Này, ái-khanh khéo nói, khéo chiều ... Ta chửa thấy ai có duyên như vậy.

Đoan, Mạc-vương giục sắp kiệu hồi điện, vương cho cả Liên-Tường theo hầu về.

Mac-vương uống nhiều rượu nhẽm hàn vào rồi lại đi qua sần, gặp gió lạnh, nên về đến phòng thành ra ốm nặng. Cả phủ đều lấy làm lo, mọi người đều đổ cho vương quá yêu Thứ-phi Trịnh-Liên nên nỗi vậy, nên các quan cao và các bà phi đều không muốn cho Liên - Tường hầu cận bên mình vương. Nàng liền sụt sùi quỳ khóc bên vương mà rằng :

— Trăm lạy đại-vương, đại vương đã cho phép tiện-thiếp hầu-hạ đại-vương ; nhưng các đức bà và các cao-quan trong phủ đều có ý nghi ngờ vì tiện-thiếp khiến đại-vương se-mình. Xin đại-vương truyền bảo cho kẻo tiện-thiếp bị oan-uổng...

Mạc-vương càng thêm thương mến, mới gượng truyền xuống mọi người rằng :

— Không ai được nghi oan cho Thứ-phi Trịnh-Liên ta, mới cùng phi uống rượu, chứ chưa mở khóa động đào. Ta đã bằng lòng cho phi ở đây, cấm không ai được nói năng gì oan-uổng cho phi. Ai không tuân, sẽ bị nghiêm hình !

Từ đấy không ai còn dám hé môi chỉ trí h gì nữa Liên-Tường được công-nhiên ở trong điện, luôn luôn ở bên tả hữu Mạc-vương, hết sức siêng-năng chăm-nom hầu-hạ.

Luôn mấy ngày ốm nặng, thấy nàng rất tận tâm với mình, Mạc vương càng đem lòng yêu mến, giọt lệ trượng-phu bỗng chảy ra mà bảo nàng rằng :

— Ái khanh trung-thành với ta quá ! Ta càng nghĩ càng thương hại cho khanh mới cùng ta gá nghĩa sắt cầm, chưa từng được vui tình chăn gối ; nay ta bị bệnh, nếu có mình nào, chẳng hóa ra làm uổng phí cả một đời xuân-xanh của ái-khanh lắm ru !

Liên-Tường làm ra vẻ buồn-bã nói với Mạc-vương rằng :

— Xin đại-vương bảo-trọng mình vàng, chớ quá ưu-tư vì tiện-thiếp e lại tăng bệnh lên chăng. Tấm thân hèn này dù tan xương nát thịt cũng không đủ đền ơn tri-ngộ của đại-vương.

Mạc-vương lại cố gượng nói :

— Lòng ái-khanh thủy chung như vậy, ta quên sao được...

Liên-Tường nhân dịp xin nài :

— Muôn-vàn cảm-tạ đại-vương, tiện-thiếp xin phép đại-vương thành tâm thử bói một quẻ xem cát hung thế nào, để được yên lòng khỏi phải lo nghĩ...

Mạc-vương mỉm cười nói :

— Ái-khanh thực lòng yêu ta quá. Vậy ái-khanh cứ thử bói xem sao.

Liên-Tường tiểu-thư liền đứng lên rửa tay và thân hành đi hái hoa về bày rồi thắp hương lâm-dâm khấn vái, đoạn reo ba đồng tiền đồng xuống đĩa mấy lượt. Rồi nàng nói to lên rằng :

— Trên *sáu* là *Tốn*, dưới *bảy* là *Chấn*, quẻ *Phong lôi Ích*.

Mạc-vương vội hỏi :

— Quẻ gì vậy ?

Liên-Tường thong-thả đáp :

— Bẩm lậy đại-vương quẻ *Phong lôi Ích*. Cứ như ý trong quẻ bói này, thì chỉ vì hiện nay có nhiều oan-ngục, thiên-hạ tất nhiều kẻ vô cớ mà chịu tội oan-uổng, nên Giời, Đất, Quỷ, Thần trách phạt vào đại-vương... Bởi vì quẻ này có chữ « *ích* » chính nghĩa là *thêm*, mà ở đây lại là *tổn*. *Phong lôi Ích* tức là gió sấm càng dữ để trách phạt vào bản-thân đại-vương. Tiện-thiếp xin đọc cả bài thơ tổng-đoán để đại-vương rõ :

« *Phong lôi tương cử,*
« *Ích đạo thủy nhiên,*
« *Tiểu nhân đạt tình,*
« *Hình ngục chi khiên,*
« *Quân-tử vị biến,*
« *Kiến thiện tắc thiên !* »

Đấy bẩm đại-vương, cái lỗi là do ở hình-ngục nhiều, mà vì kẻ tiểu-nhân lạm quyền gây ra lắm oan-ngục quá, nên vị của người quân-tử xẩy ra tai-biến. Bẩm, « quân-tử » đây là chỉ vào đại-vương vậy.

Mạc-vương nằm vừa nghe Liên-Tường vừa ngẫm-nghĩ, thấy nàng ngừng lại. vương vội nói :

— Ái-khanh bói thiêng thật. Thế mà cả triều không một ai biết cơ ứng biến để ta phải chịu ốm yếu mãi như vậy. Giá không có ái-khanh có phải nguy đến tính-mệnh ta không ! Thật cả triều văn-võ đại-thần không cao-kiến bằng một người con gái !

Liên-Tường vội cướp lời :

— Trăm lạy đại-vương, đại-vương quá khen vậy chứ. Chẳng qua tiện-thiếp thành-tâm, mà đại-vương cũng chân-tình muốn cho tiện-thiếp bốc-vấn, nên bói ra khoa thấy, tiện-thiếp xin cứ thực mà thưa như vậy, chả biết có hợp gì với mọi việc ở triều không ?

Mạc-vương cố quay mặt lại nhìn Liên-Tường nói :

— Không ! Ái-khanh bói đúng đấy. Có lẽ tại Nguyễn-Tâu Nguyễn-Bái và cả các nơi nữa, họ ỷ thế ta, làm càn để đến nỗi lắm người bị tội oan, nên mới xui nên quẻ bói như vậy chứ ! Ái-khanh biết đâu mà bịa đặt ra.

Vương lại mỉm cười hỏi :

— Thế bây giờ cô thày bói bảo ta sao nào ? Đàn tràng lễ lậy thế nào ? Cô cứ theo quẻ mà nói...

Liên-Tường nũng-nịu đáp :

— Đại-vương cứ giễu tiện-thiếp thế ! Tiện-thiếp xin chịu thôi không nói nữa.

Mạc-vương phải vội nghiêm nét mặt lại bảo nàng :

— Không, ta nói thật đấy mà. May nhờ có ái-khanh ta mới biết đến cái lỗi của ta. Vậy bây giờ ta phải cầu khẩn lễ lậy thế nào, ái-khanh đã biết rõ ở trong quẻ, cứ nói thẳng ra, cho ta mau qua khỏi, ta sẽ trọng thưởng ái-khanh, và Trịnh-Hồng, lại cho truy-tặng cả cha mẹ nữa.

Liên-Tường vội lậy tạ, tâu rằng :

— Trăm lậy đại-vương, đại-vương thật là nhân hậu như giời như bể, nghĩ chu-đáo hết mọi ly, mọi tý. Nhưng bổn-phận tiện-thiếp đã được đại-vương tin yêu nhường này, thì có điều gì biết là phải nói thực, chứ có dám đâu mong đại-vương ban thưởng... Cứ như trong quẻ này, có câu « *Kiến thiện tắc thiên* », tức là thấy có điều thiện-cử, thì rồi mọi việc đều thay-đổi. Như vậy thì không cần phải lễ bái cầu khẩn gì cả. Lễ bái cầu khẩn chỉ là việc ngọn, mình mải làm việc ngọn mà không nghĩ đến gốc thì đâu nó lại đóng đấy, nào có ích gì. Chỉ bằng bây giờ xin đại-vương làm một việc *thiện* lớn nhất mà chính ngay từ gốc là *tận xá các tội-nhân*.

còn nữa

CHU-THIÊN

BÀ NGHÈ SÁU TIỀN

NGUYỄN - BÁ-DƯƠNG, người làng Nguyễn-xá, huyện Thần-khê, thuộc phủ Tuyên-hưng, tỉnh Thái-bình bây giờ, học hay chữ nhưng nhà nghèo, nghèo đến nỗi thiếu ăn, thiếu mặc. Nhân có thày du-học Kinh-sư, Nguyễn liền theo đi giữ việc bếp nước, để nhờ lấy lương ăn học. Nhưng vốn tính lãng-mạn, mỗi khi đi chợ mua bán, lại ghé vào hàng thịt chó uống rượu chịu, chịu tầng mới tầng cũ, mãi không có tiền trả ! Sau bị chủ quán thằng-thúc quá, Nguyễn phải cáo đau chân ở nhà, không dám ra đến ngoài.

Không bao lâu, đến khoa thi hội, tức là khoa Bính-tuất đời Lê Cảnh-hưng, Nguyễn có chân học Giám, được dự thi và được vào đến đệ tứ trường. Kỳ văn-sách, đoạn văn cổ Nguyễn viết khá lắm, song bỏ thiếu mất hẳn đoạn văn kim, ai cũng bảo hỏng, nhưng Nguyễn nhất quyết là thế nào cũng đỗ. Nhân cao hứng quên cả nợ, lại đến hàng thịt chó uống rượu. Chủ quán vớ được, liền đòi nợ cũ, Nguyễn khất đến hôm xem bảng sẽ tra g-trả đâu có đấy. Chủ quán cho là nói khoác, nhất định xô lại lột áo trừ nợ cho bõ ghét. Các khách ăn trong quán đều ái-ngại, khất nợ hộ nhưng chủ quán vẫn không nghe.

Lúc ấy bỗng có một thiếu-nữ gánh rượu đi qua, thấy người trai-trẻ, diện-mạo học trò, bị lột trần đứng sững trước quán, ra dáng thẹn thò, thì động lòng thương. Hỏi ra mới biết Nguyễn nợ chủ quán có 6 tiền, liền đếm ngay tiền đưa cho để chuộc lại áo. Được áo mặc khỏi bị ở trần, lẽ tất nhiên là Nguyễn mừng rỡ, mang ơn cô hàng rượu, tuy không nói ra miệng, nhưng đã hẹn lòng : sau khi chiếm bảng, sẽ đem cái chức « bà Nghè » để trả ơn.

Hôm sau phóng bảng, quả-nhiên Nguyễn đỗ Tiến-sĩ thứ 6. Điều thứ nhất là đem ngay việc gặp gỡ cô hàng rượu có con mắt tinh đời ấy nói với thày để nhờ đứng chủ hôn. Thế rồi trên con đường thiên-lý từ kinh-đô Thăng-long qua trạm Hoàng-mai (quê cô hàng rượu) về huyện Th'n - khê, người ta thấy một đám rước cờ biển linh-đình, và lại có « *võng anh đi trước, vong nàng đi sau* ». Đó là đám « *vinh qui cùng với vu qui một ngày* » của anh chàng vừa bị lột áo ở hàng thịt chó hôm mới rồi Rồi câu chuyện « Bà Nghè sáu tiền » đồn đi khắp chợ thì quê, truyền làm một thiên giai-thoại tư bấy giờ cho đến ngày nay, ta còn thấy chép trong Đăng-khoa-lục.

THI NHAM

— Cuộc đời buổi đua chen,
Giống hơn dắt g ống hèn ;
Ta hèn có người dắt ; Nhờ người, ta biết ơn.
(*Tản Đà*)

— Ta ơn người Lang-sa ; Ta thương người nước ta
(*Tản Đà*)

— Đường xa đi lại khó ; Giắt ta có Bảo-hộ.
(*Tản Đà*)

— Hai nhăm triệu dân ta ;
Hợp lòng mong nước nhà ;
Khai hóa có Bảo hộ ; Văn-minh gần không xa.
(*Tản Đà*)

— Sung sướng như chúng ta ; Thực là nhờ Lang-sa ;
Giếng sâu, mạch nước tốt ;
Cây cao bóng rợp xa
(*Tản Đà*)

CHỈ NAY MAI

QUỐC - HỌC THƯ-XÃ

sẽ phát-hành

TẦM NGUYÊN TỪ-ĐIỂN

Tinh hoa linh 100 bộ kinh, chuyên cổ, hằng ngày tài liệu điển cổ cần biết để hiểu rõ văn-chương Việt-Hán và quốc-văn, sách dày trên 400 trang, có chua chữ H n

giấy thường	2p 80
giấy bouffant	3p.80
giấy bouffant bìa vải	5p.00
giấy bouffant bìa gấm (loại sách tiến vua)	10p.00

(Loại sách quí in giấy bou ant hảo hạng có đánh số, hữ ký và lời đề tặng của tác giả dành riêng cho các bạn đặt t ền trước khi sách phát hành. Loại sách b a toàn gấm ngũ sắc thuộc loại tiến vua rất quý, ai đặt mua sẽ in tên ch vàng ở gáy sách.

THƯ TỪ NGÂN PHIẾU ĐỀ
M LÊ VĂN HÒE
G ám đốc QUỐC HỌC T Ư XÃ
16bis TienTsin Hanoi